

BÁO CÁO

**Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh
năm 2014 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2015**

Phần I

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI,
BẢO ĐẢM AN NINH - QUỐC PHÒNG NĂM 2014**

Ngay từ những ngày đầu của năm, xác định được những khó khăn, thách thức chung của cả nước, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo xây dựng và triển khai quyết liệt Chương trình hành động thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2014 theo Nghị quyết của Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh đến các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; triển khai chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, trong đó đặc biệt lưu ý về cơ chế, chính sách, cải cách hành chính của Trung ương và của tỉnh; điều chỉnh, xây dựng, tạo điều kiện về tiếp cận đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiếp cận vốn vay, thị trường tiêu thụ, nguồn lao động v.v...

Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, UBND tỉnh đã tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương; công tác thu, chi ngân sách, thanh quyết toán các công trình xây dựng cơ bản (XD CB); chỉ đạo xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh từ cơ sở. Do đó, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn có bước phát triển, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

A. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2014

1. Các chỉ tiêu kinh tế:

(1) * Theo giá so sánh 1994: Tổng sản phẩm xã hội ước khoảng 17.148 tỷ đồng; tăng 8,4% so với thực hiện năm 2013, đạt 98,3% KH. Trong đó:

- Giá trị ngành Nông, lâm, thủy sản ước đạt 7.471 tỷ đồng, tăng 5,1%, đạt 100,1% KH.

- Giá trị ngành công nghiệp, xây dựng ước đạt 3.174 tỷ đồng, tăng 9,9%, đạt 102,7% KH.

- Giá trị ngành dịch vụ ước đạt 6.503 tỷ đồng, tăng 11,8%, đạt 94,2% KH.

* Theo giá so sánh 2010: Tổng sản phẩm xã hội ước khoảng 37.700 tỷ đồng, tăng 9,2% so với thực hiện năm 2013, đạt 99,4% KH. Trong đó:

- Giá trị ngành nông, lâm, thủy sản 16.420 tỷ đồng, tăng 5%, đạt 100,7% KH.

- Giá trị ngành công nghiệp - xây dựng 6.440 tỷ đồng, tăng 9,9%, đạt 97% KH.

- Giá trị ngành dịch vụ 14.840 tỷ đồng, tăng 13,9%, đạt 99,1% KH.

* Cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành): Nông, lâm, thủy sản 45% (KH đạt 44-45%); công nghiệp - xây dựng 16,7% (KH đạt 16-17%); dịch vụ 38,3% (KH đạt 39-40%).

(2) Thu nhập bình quân đầu người theo giá hiện hành 31,4 triệu đồng, đạt 98,4% KH.

(3) Huy động vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 13.500 tỷ đồng, tăng 6,8% so với thực hiện năm 2013, bằng khoảng 23,3% tổng sản phẩm xã hội, đạt 90% KH.

(4) Tổng mức lưu chuyển hàng hóa trên địa bàn 49.425 tỷ đồng, tăng 29,8% so với thực hiện năm 2013, đạt 100%KH.

(5) Tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 730 triệu USD, tăng 20% so với thực hiện 2013, đạt 97,3% KH (KH 2014 : 750 triệu USD); Tổng kim ngạch nhập khẩu khoảng 15 triệu USD, bằng so với thực hiện 2013, bằng 75% KH (KH 2014 : 20 triệu USD)

(6) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt khoảng 3.525 tỷ đồng, đạt 103,4% dự toán TW giao và đạt 88,1% dự toán HĐND tỉnh giao; bằng 98,5% so với năm 2013 (KH 2014 : 4.000 tỷ đồng)

(7) Phát triển hạ tầng: Thủy lợi bảo đảm tưới chủ động cho 76% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới, đạt 100% KH; cải tạo, nâng cấp nhựa hoặc bê tông hóa 95% các tuyến đường tỉnh, tăng 11% so với KH (KH 2014 đạt 84%); 73% hệ thống đường huyện (đạt 100% KH); 38% đường xã và liên xã (đạt 100% KH); có 95% số thôn, buôn có điện (KH 2014 : 97%), trong đó có 96,8% số hộ được dùng điện (KH 2014 : 97,75%).

2. Các chỉ tiêu xã hội:

(8) Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 29% (tăng 01% so với năm 2013) đạt 100% KH; Có 91,5% (KH là 95%) thôn, buôn có trường hoặc lớp mẫu giáo (tính cả thôn, buôn học ghép lớp), trong đó có 65% thôn, buôn có trường hoặc lớp mẫu giáo (không tính thôn, buôn học ghép lớp).

(9) Mức giảm tỷ lệ sinh khoảng 0,5‰ (KH là 0,5‰). Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,18% (KH là 1,1%). Quy mô dân số 1.847 ngàn người, đạt 100% KH.

(10) Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế đạt 70,1% (tăng 5,43% so với năm 2013) tăng 19,6% so với KH¹; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng 22,8% (giảm 0,6% so với năm 2013), giảm 0,2% so với KH; Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 22,34 giường/1 vạn dân, thấp hơn 0,26% so với KH.

(11) Giải quyết việc làm cho 26.500 lao động (tăng trên 500 lao động so với năm 2013), đạt 100% KH; Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động 46% trở lên, vượt 1% so với KH (KH là 45%), trong đó qua đào tạo nghề 37% trở lên (tăng 2% so với năm 2013), đạt 100% KH; Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 2,95% (bằng so với năm 2013), đạt 100% KH.

(12) Tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 12,61%, giảm 2,24% so với năm 2013 (các huyện nghèo, khó khăn giảm 3%), (KH giảm 2-3%).

(13) Có 94,9% buôn có nhà sinh hoạt cộng đồng (tăng 0,82% so với năm 2013)

¹ KH 2014 được xây dựng là đạt 50,5% - tuy nhiên, sau khi giao KH chỉ tiêu này được xác định là đã đạt 64,67%, nhưng không có quyết định điều chỉnh KH.

(KH 2014: 96%)

3. Các chỉ tiêu môi trường:

(14) Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch 68,3%, tăng 3,14% so với thực hiện năm 2013, thấp hơn 1,7% so với KH (KH 2014: 70%).

(15) Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: 84%, tăng 3% so với thực hiện năm 2013, cao hơn 1% so với KH (KH 2014: 83%).

(16) Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su) còn 38,65% (Số liệu sơ bộ sau thống kê, chưa hiệu chỉnh; KH 2014: 49,5%)

(17) Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom: 75,94%, tăng 1,67% so với ước thực hiện năm 2013, thấp hơn 2,06% so với KH (KH là 78%); Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg) được xử lý đạt 100%; 100% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

4. Chỉ tiêu an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội

(18) Nền quốc phòng toàn dân được xây dựng gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh. Đã tổ chức diễn tập theo cơ chế Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị ở 6/6 huyện. Tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao và đảm bảo chất lượng. Giáo dục kiến thức quốc phòng cho các đối tượng theo quy định đạt 100%. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giảm tai nạn giao thông trên cả 3 mặt (giảm 14,6% số vụ, giảm 19,4% số người chết và giảm 7,9% số người bị thương). Tỷ lệ điều tra làm rõ số vụ án hình sự đạt trên 85%, trong đó Tỷ lệ điều tra khám phá án hình sự rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 90%.

Như vậy, trong 18 chỉ tiêu chủ yếu có 09 chỉ tiêu đạt kế hoạch và 09 chỉ tiêu không đạt kế hoạch đề ra.

II. Phân tích nguyên nhân chủ yếu 09 chỉ tiêu không đạt kế hoạch

1. Về 03 chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế: Chỉ tiêu Tốc độ tăng trưởng nền kinh tế; chỉ tiêu GDP bình quân đầu người và huy động vốn đầu tư toàn xã hội.

Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, hoạt động của các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn; việc thu hút các nguồn vốn đầu tư còn nhiều hạn chế; đầu tư trong dân kém dẫn đến huy động vốn đầu tư toàn xã hội không đạt như kế hoạch. Thu ngân sách nhà nước nhiều năm liền không đạt chỉ tiêu đặt ra; bên cạnh đó, việc thực hiện các giải pháp của Chính phủ về cắt giảm đầu tư công theo Chỉ thị 1792/CP-TTg, nợ đọng xây dựng cơ bản của tỉnh còn nhiều cũng ảnh hưởng đến tăng trưởng nền kinh tế.

2. Giá trị kim ngạch xuất – nhập khẩu trên địa bàn

Về xuất khẩu: giá cả hầu hết các mặt hàng xuất khẩu giảm; các doanh nghiệp trong tỉnh khó khăn về vốn, khó tiếp cận được nguồn vốn vay nên không thu mua được sản lượng như dự kiến; một số doanh nghiệp thu mua, chuyển ra ngoài tỉnh xuất khẩu đã làm ảnh hưởng tới lượng và giá trị xuất khẩu của tỉnh².

Về nhập khẩu: dự kiến năm 2014 sẽ nhập khẩu một lượng lớn máy móc thiết bị

² Lượng cà phê trong tỉnh vận chuyển ra ngoài tỉnh để xuất khẩu ước khoảng hơn 50 nghìn tấn~100 tr.USD; lượng sản phẩm sản vận chuyển ra ngoài tỉnh để xuất khẩu ước khoảng hơn 55 nghìn tấn~25–28 tr.USD. Ngoài ra còn một số sản phẩm khác như cao su, hạt tiêu ...

cho các nhà máy sản; tuy nhiên, hiện đang vướng thủ tục đầu tư nên chưa triển khai xây dựng.

3. Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn

Thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng nên số thuế GTGT bị giảm trừ do không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT đối với sản phẩm nông sản tại tỉnh Đắk Lắk là 850,566 tỷ đồng³; giá các mặt hàng nông sản có thể mạnh của tỉnh như cà phê, cao su... giảm đã ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu. Bên cạnh đó, do một số nguyên nhân chủ quan như: Công tác giám sát hồ sơ khai thuế tài nguyên ở một số Chi cục Thuế chưa thực sự hiệu quả dẫn đến việc một số doanh nghiệp kê khai, nộp thuế tài nguyên không kịp thời, không đúng căn cứ tính thuế tài nguyên theo đúng quy định; Công tác lập sổ bộ đối với hộ khoán vẫn còn nhiều hạn chế nhất định, chưa chủ động phối hợp giữa cơ quan thuế với các phòng, ban trên địa bàn trong công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán, dẫn đến còn thất thu về số lượng hộ kinh doanh...

4. Tỷ lệ buôn đồng bào dân tộc thiểu số có nhà sinh hoạt cộng đồng

Tỉnh đã phân cấp cho ngân sách huyện đầu tư. Thực tế, nhiều địa phương không có đất xây dựng, có địa phương chưa cân đối được vốn. Mặt khác, việc tách lập địa giới diễn ra hàng năm nên việc đầu tư khó đạt được như kế hoạch đặt ra.

5. Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch

Nguồn nước sử dụng cấp cho đô thị chủ yếu là nguồn nước ngầm có trữ lượng không ổn định, chênh lệch trữ lượng nước giữa mùa khô và mùa mưa cao (trên 25%); không có lượng nước dự phòng nên công tác cấp nước còn bị động và khó khăn cho việc mở rộng mạng lưới cấp nước đô thị. Ngoài ra, Dự án bổ sung nguồn nước cho thành phố Buôn Ma Thuột và cho 03 đô thị thuộc huyện phụ cận (thị trấn Krông Năng; Thị trấn Ea Kar và trung tâm huyện Buôn Đôn) sử dụng nguồn vốn vay ADB đến vẫn chưa triển khai thực hiện đã ảnh hưởng đến chỉ tiêu kế hoạch cấp nước đô thị năm 2014.

6. Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su)

- Trước năm 2014 của tỉnh Đắk Lắk tính độ che phủ rừng bao gồm 14 loại rừng; từ năm 2014 thực hiện Quyết định số 594/QĐ-TTg ngày 15/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Dự án tổng kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013 - 2016 và theo quy trình hướng dẫn kỹ thuật kiểm kê rừng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thì chỉ còn lại 04 loại rừng được tham gia tính độ che phủ⁴. Do sai khác về tiêu chí tính độ che phủ rừng trước và sau năm 2014, diện tích rừng giảm 54.933 ha (trong đó có 20.733 ha rừng trồng dưới 3 năm tuổi không tham gia vào tính độ che phủ), tương ứng giảm 4,2% độ che phủ.

- Do diện tích rừng bị lấn chiếm trước năm 2013 tại các huyện và các chủ rừng chưa báo cáo thống kê kịp thời là 50.975,3 ha. Diện tích này trước 2014 tính vào diện tích tham gia tính độ che phủ. Tương ứng độ che phủ 3,9%.

³ Nguồn thu thuế GTGT của khu vực ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng rất lớn, trong tổng số thu từ khu vực này, chủ yếu thu từ cà phê; ước thực hiện năm 2014 kết quả thu từ khu vực này chỉ đạt 62,6% dự toán Trung ương giao, đạt 58,6% dự toán HĐND tỉnh giao

⁴ Rừng tự nhiên; Rừng trồng đã thành rừng trên 3 năm tuổi, nằm trong quy hoạch lâm nghiệp; Cây cao su trên 3 năm tuổi nằm trong quy hoạch lâm nghiệp; Rừng trồng cây đặc sản trên 3 năm tuổi như điều, mít, tre, le,... nằm trong quy hoạch lâm nghiệp.

- Trước năm 2013 diện tích rừng và đất lâm nghiệp căn cứ vào kết quả kiểm kê rừng theo Chỉ thị 286/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, phương pháp tính diện tích là đo đếm bằng tay (kẻ lưới ô li đo đếm theo trên giấy), độ chính xác không cao, sai số $\pm 15\%$. Năm 2014 kiểm kê rừng bằng phương pháp giải đoán ảnh vệ tinh, tính toán diện tích bằng phần mềm bản đồ chuyên dụng (MapInfo) cho độ chính xác cao hơn, sai số $\pm 5\%$. Do vậy sai số giữa 2 lần kiểm kê rừng là 5 (tương ứng với 29.850 ha) tương ứng với độ che phủ rừng giảm 2,3%.

- Ngoài ra, còn do diện tích rừng giảm do các quy hoạch đất đai, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; diện tích rừng trồng thực tế thấp hơn so với kế hoạch.

7. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn tại đô thị được xử lý

Hiện nay tỷ lệ thu phí vệ sinh đạt thấp (dưới 50%), trong khi ngân sách địa phương hỗ trợ cho dịch vụ công ích còn hạn chế nên các đơn vị chưa tăng cường đầu tư (lao động, phương tiện, thiết bị) để mở rộng địa bàn phục vụ. Ngoài thành phố Buôn Ma Thuột thì các đô thị khác trong tỉnh chỉ tập trung dịch vụ tại các khu trung tâm, trục đường chính⁵.

B. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trên từng lĩnh vực

I. Lĩnh vực kinh tế:

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới:

a. *Sản xuất nông, lâm nghiệp* tiếp tục phát triển khá, vượt kế hoạch đề ra; giữ vững vai trò quan trọng trong ổn định kinh tế và đời sống nông thôn, góp phần chủ yếu trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Giá trị sản xuất toàn ngành (theo giá so sánh 2010) ước đạt 34.850 tỷ đồng, tăng 6,44% so với năm 2013, tăng 8,96% so với KH (KH là 31.984 tỷ đồng).

Ngành trồng trọt phát triển khá. Công tác chuyên đổi cơ cấu giống cây trồng được đẩy mạnh, các loại giống mới, giống lai cho năng suất cao được đưa vào sản xuất nhiều hơn. Công tác khuyến nông được tăng cường đã từng bước làm thay đổi tập quán canh tác của nông dân, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác bảo vệ thực vật được chú trọng đã góp phần hạn chế các loại dịch bệnh, sâu bệnh hại trên cây trồng. Việc áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp ngày càng được mở rộng, nhất là ở các khâu làm đất, gieo trồng và thu hoạch đã góp phần làm tăng năng suất lao động⁶. Sản lượng lương thực năm 2014 ước đạt 1.258.000 tấn/1.105.017 tấn KH, tăng khoảng 153.000 tấn, đạt 113,8% KH; đặc biệt, vụ Đông –Xuân được mùa, năng suất bình quân đạt 69,47 tạ/ha, có nơi đạt tới 75 tạ/ha. Diện tích cao su, hồ tiêu,...tăng khá. Sản lượng cà phê đạt 457.000 tấn, cao su đạt 30.000 tấn, tiêu đạt 21.000 tấn. Thực hiện chương trình tái canh cây cà phê phê được 3.118 ha trên tổng số 27.775 ha, đạt 82,97% KH năm 2014 và bằng 11,2% so với diện tích đề án xây dựng.

Tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm tương đối ổn định. Đã áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác cải tạo giống, nhân giống... đã góp phần nâng cao chất lượng

⁵ Các bãi xử lý CTR trên địa bàn tỉnh chủ yếu đều là bãi tạm, chưa đầu tư hạ tầng, công nghệ xử lý chủ yếu do tự do, phun thuốc, đốt, chôn tại chỗ theo định kỳ 3 hoặc 6 tháng/lần nên chưa xử lý triệt để môi trường. Bãi xử lý CTR tại Thôn 3, xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột sử dụng từ năm 1998, áp dụng chôn lấp hợp vệ sinh nhưng do chưa có hệ thống xử lý nước rỉ rác; chưa mở mới và đóng ô chôn lấp theo quy trình nên cơ sở này thuộc kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

⁶ Tổng diện tích gieo trồng năm 2014: 612.434 ha, trong đó cây hàng năm 322.266 ha/311.315 haKH (đạt 104% KH), cây lâu năm 290.168 ha/285.537 haKH (đạt 102%KH).

đàn giống, tiến tới đáp ứng yêu cầu về giống tốt trong chăn nuôi. Dự án phát triển chăn nuôi bò thịt tại huyện M'Đrăk của Công ty TNHH Liên hiệp Công - Nông nghiệp phát triển bền vững Sao Đỏ đã đi vào hoạt động, kết quả khả quan; Một số nhà đầu tư đang khảo sát, làm công tác chuẩn bị đầu tư dự án chăn nuôi bò thịt, bò sữa như: Công ty Thái Thành, TH Milk, Đức Long, Hoàng Anh Gia Lai... Ngành thú y đã triển khai đồng bộ, kịp thời các biện pháp phòng, chống và kiểm dịch, do đó đã phát hiện, xử lý kịp thời, cơ bản kiểm soát được dịch bệnh của gia súc, gia cầm⁷.

Năm 2014, tổng đàn gia súc toàn tỉnh là 941.000 con (đàn trâu: 34.000 con, đạt 101%KH; đàn bò: 167.000 con, đạt 100%KH; đàn lợn: 740.000 con, đạt 100%KH). Sản lượng thịt hơi các loại khoảng 133,4 ngàn tấn; tổng đàn gia cầm khoảng 8,92 triệu con, đạt 126% KH, sản lượng trứng khoảng 201 triệu quả.

Diện tích nuôi trồng thủy sản được 9.522 ha, sản lượng khoảng 16.500 tấn; sản lượng khai thác cá tự nhiên 2000 tấn. Đặc biệt, nuôi được khoảng 40 ngàn con giống cá tầm, phát triển tốt.

Công tác quản lý, bảo vệ rừng đã được sự quan tâm nhiều hơn, mang lại kết quả tích cực, số vụ vi phạm có xu hướng giảm, mức độ và tính chất, hành vi vi phạm nhỏ, ít nghiêm trọng⁸. Diện tích trồng rừng ước thực hiện được 4.000 ha/ 5.000 ha KH, đạt 80% KH⁹, trong đó trồng rừng sản xuất: 3.778 ha, trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 78 ha, trồng rừng thay bù lại cho các công trình thủy điện 144 ha; trồng được 750.000 cây phân tán.

Về *Tỷ lệ che phủ rừng*: Theo kết quả kiểm kê rừng (số liệu đến tháng 11/2014): Tổng diện tích đất có rừng là 507.274 ha; trong đó, rừng tự nhiên 476.322 ha; rừng trồng: 30.952 ha. Độ che phủ rừng còn 38,65% (KH là 49,5%). So với số liệu năm 2013 thì độ che phủ rừng giảm 9,6% tương ứng diện tích 136.591,8 ha (rừng tự nhiên giảm: 74.167,2 ha, rừng trồng giảm 51.885,8 ha).

b. Chương trình xây dựng Nông thôn mới: Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, huy động sự tham gia của toàn xã hội, đặc biệt là nâng cao được vai trò chủ thể của người dân; Nhờ đó, người dân ở nhiều địa phương đã phấn khởi, nhiệt tình hơn trong công cuộc xây dựng nông thôn mới như: hiến đất, tự giải phóng mặt bằng, đóng góp công sức, tiền của vào chỉnh trang, nâng cấp giao thông nông thôn, tu sửa

⁷ - Dịch cúm gia cầm: Toàn tỉnh đã xảy ra dịch tại 12 xã, phường/7 huyện, thành phố (Ea Uy, huyện Krông Pắc; Ea Wer và Ea Nuôl, Buôn Đôn; Hòa Thắng, Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột; Ea Hu và Ea Bôk, Cư Kuin; Ea Bông, Buôn Tráp, Krông Ana; Ea Lê, Ea Súp; Buôn Triết, Yang Tao, Lăk), với tổng số gia cầm mắc bệnh là 23.360 con (gà: 5.839 con, vịt và ngan: 17.448 con, gia cầm khác: 73 con) và xử lý, tiêu hủy 23.360 con.

- Dịch bệnh LMLM: Dịch đã xảy ra tại 03 xã (Cư Pong, Krông Buk; Ea Puk, Tam Giang, Krông Năng), chủ yếu tại các hộ chăn nuôi trâu bò, số trâu bò mắc bệnh là 25 con. Dịch được dập tắt kịp thời và không lây lan.

⁸ Tổng số vụ kiểm tra, phát hiện và xử lý 1.932 vụ (giảm 5,6% vụ so với cùng kỳ năm trước), trong đó 25 vụ phá rừng: 112 ha; 1.264 vụ mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật; 28 vụ mua bán, săn bắt, vận chuyển động vật rừng; 08 vụ vi phạm các quy định nhà nước về chế biến gỗ; 72 vụ khai thác lâm sản trái phép; 534 vụ là các hành vi vi phạm khác.

⁹ **Một số nguyên nhân trồng rừng không đạt kế hoạch đề ra:**

- Trồng rừng phòng hộ: Một số diện tích trồng rừng đang tranh chấp với các hộ dân; kinh phí hỗ trợ đầu tư trồng rừng còn thấp, các công ty không có kinh phí để đầu tư thêm nên thực hiện không đạt so với kế hoạch; thủ tục khai thác rừng phòng hộ đến tuổi chưa xong nên không có đất thực hiện.

- Trồng rừng sản xuất từ vốn dự án FLITCH hỗ trợ: Các đơn vị thực hiện đạt thấp so với đăng ký, do các đơn vị đều thiếu vốn để bổ sung đầu tư trồng rừng và chăm sóc rừng trồng các năm tiếp theo, do vốn dự án chỉ hỗ trợ 400 USD/ha/chu kỳ.

- Trồng cây phân tán: được UBND các huyện thực hiện từ nguồn tiết kiệm chi thường xuyên để bố trí kinh phí cho Chương trình này, nhưng UBND các huyện không bố trí kinh phí, một số huyện bố trí kinh phí không đủ để triển khai thực hiện trồng cây phân tán theo chỉ tiêu kế hoạch.

nơi ở và các công trình công cộng khác...¹⁰.

Đến nay 152/152 xã đã lập và phê duyệt xong quy hoạch chung cấp xã; 15/15 huyện, thị xã, thành phố đã lập và phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới cấp huyện. Có 02 xã đạt 19/19 tiêu chí (xã Hòa Thuận và Ea Kao, TP Buôn Ma Thuột)¹¹. Toàn tỉnh đã đạt 1.159/2.888 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 40%; bình quân đạt 7,6 tiêu chí/xã. Số xã tăng thêm trong năm đạt 13 tiêu chí trở lên là 5 xã.

Tuy vậy, quá trình triển khai thực hiện Chương trình còn nhiều tồn tại hạn chế như: việc triển khai thực hiện và giải ngân vốn sự nghiệp còn chậm; vướng mắc trong thủ tục thanh toán vốn Trái phiếu chính phủ (TPCP) chậm được tháo gỡ; các địa phương chưa bố trí được vốn đối ứng trong việc đầu tư xây dựng các công trình mà chủ yếu là vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh; việc huy động sức dân còn nhiều hạn chế; một số Sở, ngành, địa phương chưa thực sự quyết liệt trong việc chỉ đạo thực hiện Chương trình; việc tổng kết, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Chương trình còn chậm, việc nhân rộng các mô hình điển hình, tiên tiến chưa được sâu rộng.

Mặc dù giá trị sản xuất ngành nông – lâm – ngư nghiệp đạt được tương đối cao (34.850 / 31.984 tỷ đồng) nhưng vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế đó là: Sản xuất nông nghiệp ở Đắk Lắk, nhất là đối với ngành trồng trọt vẫn là sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, trong khi trình độ canh tác của phần lớn nông dân còn hạn chế, khó áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ vào sản xuất; trình độ chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch còn nhiều yếu kém dẫn đến năng suất thấp, chất lượng sản phẩm chưa tốt, không đồng đều, sức cạnh tranh kém kể cả ở thị trường nội địa. Công tác quản lý quy hoạch ngành, quy hoạch sản phẩm của ngành nông nghiệp còn kém, thậm chí không quản lý được quy hoạch như: diện tích cà phê tăng cao hơn nhiều so với diện tích được định hướng theo chỉ dẫn địa lý cà phê; quy hoạch cây cao su không thực hiện được theo tiến độ; do giá cao nên người dân trồng nhiều cây hồ tiêu không đúng quy trình, kỹ thuật dẫn đến sâu bệnh, không kiểm soát được. Công tác quản lý, sử dụng, khuyến cáo, tuyên truyền cho người dân, cũng như chưa kịp thời ngăn chặn việc tiêu thụ, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật kém chất lượng. Chưa tích cực vận động, tuyên truyền cũng như đề xuất chính sách thỏa đáng để người trồng cà phê hưởng ứng mạnh mẽ công tác tái canh. Công tác quản lý, bảo vệ rừng tuy có tốt hơn trước nhưng rừng vẫn bị xâm hại nghiêm trọng; việc quản lý, thống kê diện tích rừng còn bất cập nên sau kiểm kê năm 2014, diện tích rừng chỉ còn 507.274 ha, thiếu so với số liệu trước đây 136.591,8 ha. Việc quản lý các dự án trồng rừng, trồng cao su trên đất rừng còn lỏng lẻo, dẫn đến tình trạng dự án được giao nhưng không triển khai đầu tư hoặc

¹⁰ Tổng kinh phí thực hiện Chương trình năm 2014 là: 109.345 triệu đồng, trong đó: Trung ương hỗ trợ là: 84.745 triệu đồng (Vốn đầu tư từ nguồn TPCP: 77.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 7.745 triệu đồng); Ngân sách tỉnh: 24.600 triệu đồng (Vốn đầu tư: 17.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 7.600 triệu đồng).

Người dân ở các địa phương trong tỉnh đã huy động sức dân đã huy động sức dân làm mới được 122 km đường bê tông; đổ cấp phối đá dăm được 26 km đường liên thôn; sửa chữa trên 170 km đường giao thông thôn, xóm; làm mới 16 km kênh mương, nạo vét 366 km kênh mương nội đồng, sửa chữa 31 công trình thủy lợi nhỏ; làm mới 3 cây cầu, 4 km đường điện đạt chuẩn; xây dựng 13 nhà văn hóa thôn, buôn...; xây mới 2 Nhà văn hóa xã, xây mới 2 trụ sở UBND xã; sửa chữa 3 trụ sở xã; xây mới 4 Hội trường thôn. Các hộ dân hiến hơn 175.000 m² để xây dựng các công trình; tự giải tỏa hơn 3.500 cây cà phê, hơn 300 cây Điều, cây ăn quả; tổng số tiền đóng góp của người dân là trên 54 tỷ đồng, hơn 21.000 ngày công lao động...

¹¹ 03 xã đạt 17/19 tiêu chí (xã Ea Kly, xã Hòa Đông; huyện Krông Pắc; xã Quảng Tiến, huyện Cư M'gar); 01/151 xã đạt 15/19 tiêu chí, 02/152 xã đạt 14/19 tiêu chí, 05/152 xã đạt 13/19 tiêu chí; 22/152 xã đạt 10-12 tiêu chí, 99/152 xã đạt 5-9 tiêu chí và vẫn còn 18/152 xã đạt 2-4 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 11,9%.

có triển khai rất chậm và không đảm bảo quy trình, đảm bảo yêu cầu; thậm chí còn có hiện tượng mua, bán dự án gây dư luận bất bình trong nhân dân (như các dự án ở địa bàn huyện Buôn Đôn, Ea Súp, Krông Năng).

2. Công nghiệp - Xây dựng:

a) Công nghiệp:

Một số sản phẩm công nghiệp vẫn duy trì được mức độ tăng trưởng khá cao so với năm 2013, như: công nghiệp khai khoáng, công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt. Đặc biệt một số sản phẩm có mức tăng mạnh như: sản phẩm chế biến đường (tăng 46,3%); các sản phẩm cà phê bột (tăng 22,3%), cà phê hoà tan (tăng 28,6%); Các sản phẩm phát triển ổn định như: bia chai, tinh bột sắn, chế biến thức ăn gia súc... Các doanh nghiệp như Công ty TNHH cà phê Ngon, Công ty TNHH An Thái, Công ty mía đường 333, các nhà máy thủy điện... có đầu tư mở rộng sản xuất, giữ được thị trường tiêu thụ sản phẩm. Tỉnh đã cho chủ trương một số nhà đầu tư khảo sát, chuẩn bị đầu tư dự án chế biến tinh bột sắn, chăn nuôi bò thịt, bò sữa, cụm công nghiệp mía đường ở Ea Súp sẽ mở ra triển vọng tăng sản lượng công nghiệp và có sản phẩm mới như sữa, bánh kẹo...

Tuy nhiên, nhìn chung sản xuất công nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn; giá trị sản xuất không đạt kế hoạch đề ra. Nhiều doanh nghiệp không duy trì được năng lực sản xuất, một số doanh nghiệp hầu như ngưng hoạt động; nhiều doanh nghiệp thiếu vốn, khó tiếp cận được vốn ngân hàng do không đáp ứng các điều kiện vay, trả; nguồn nguyên liệu hạn chế, thị trường xuất khẩu thu hẹp, sản phẩm sản xuất khó tiêu thụ, thậm chí không tiêu thụ được. Các lĩnh vực sản xuất bị ảnh hưởng bởi các tồn tại này như: Phân vi sinh, hạt điều nhân xuất khẩu, sản xuất sắt thép, các sản phẩm chế biến gỗ ... một số sản phẩm xuất khẩu phụ thuộc nhiều vào thị trường Trung quốc, không ổn định về giá cũng như số lượng. Do tình hình khó khăn chung của doanh nghiệp, kết cấu hạ tầng còn yếu kém, nhất là giao thông; mặt khác, khu vực Tây nguyên nói chung, tỉnh Đắk Lắk nói riêng vẫn còn chịu ảnh hưởng yếu tố nhạy cảm về chính trị, về vấn đề biên giới nên việc thu hút đầu tư, nhất là đối với đầu tư nước ngoài cho phát triển công nghiệp còn nhiều hạn chế.

Tình hình đầu tư, hoạt động của các khu, cụm công nghiệp:

Khu công nghiệp Hòa Phú đã cơ bản đầu tư hạ tầng thiết yếu như san nền, giao thông, xử lý nước thải tập trung. Đến nay đã có 14 dự án đi vào hoạt động (chiếm 45,76ha). Tuy nhiên, hiệu quả sản xuất của một số dự án không cao, có 06 dự án (34ha) phải ngừng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả như: Dự án kho ngoại quan, dự án sản xuất thép Đông Nam Á, sản xuất chỉ thun, chế biến nông sản Nhật Tân, cán thép dập định Tây Nguyên...

Đối với các cụm công nghiệp: Có 05 cụm công nghiệp đã được phê duyệt dự án đầu tư, đã đi vào hoạt động, trong đó Cụm công nghiệp Tân An 1, 2 (Thành phố Buôn Ma Thuột) có 59 dự án đầu tư với tổng diện tích đất đăng ký và cho thuê 69,4 ha, đạt tỷ lệ lấp đầy 90,62%; Cụm công nghiệp Ea Đar - Huyện Ea Kar có 12 dự án đầu tư với tổng diện tích đất đăng ký thuê khoảng 45 ha đạt tỷ lệ lấp đầy 93%; Cụm công nghiệp Krông Búk (huyện Krông Búk) và Cụm công nghiệp Ea Ral (huyện Ea H'leo) có rất ít dự án đầu tư hoạt động.

Việc đầu tư hạ tầng của các cụm công nghiệp rất khó khăn, chủ yếu trông chờ vào ngân sách nhà nước, trong khi ngân sách tỉnh rất khó khăn, ngân sách TW chỉ hỗ

trợ 6 tỷ đồng/cụm nhưng cũng không được bố trí đủ, kịp thời. Do đó, các cụm công nghiệp chưa được đầu tư hạ tầng đầy đủ, ảnh hưởng lớn cho công tác thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp. Riêng Cụm công nghiệp Ea Ral do nhà đầu tư hạ tầng là Công ty Trường Thành thiếu năng lực tài chính nên tỉnh đã thu hồi chủ đầu tư, giao cho Ủy ban nhân dân huyện Ea H'leo quản lý và đầu tư.

b) Xây dựng:

Ngành xây dựng tập trung chỉ đạo công tác xây dựng, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn đạt được kế hoạch đề ra. Công tác quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch, quản lý nhà và thị trường bất động sản được thực hiện đúng quy định. Công tác quản lý chất lượng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên. Giá trị sản xuất ngành xây dựng ước đạt 3.595 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), đạt 100 % kế hoạch.

Do ngân sách nhà nước còn hạn chế, trong khi chưa có chính sách phù hợp, nhất là về giá nước, giá xử lý chất thải rắn nên việc kêu gọi, xúc tiến đầu tư, xã hội hóa đầu tư cho lĩnh vực này khó khăn, dẫn đến chỉ tiêu về xử lý chất thải rắn và cấp nước cho khu vực đô thị không đạt kế hoạch đề ra.

3. Thương mại, dịch vụ:

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 49.425 tỷ đồng, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước, đạt 100% KH. Nhìn chung, mặc dù kinh tế có nhiều khó khăn nhưng tình hình lưu thông hàng hoá, giá cả thị trường tương đối ổn định, hàng hóa đa dạng đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng, các siêu thị Metro, CoopMart, Nguyễn Kim hoạt động ổn định. Tình hình cung cầu hàng hóa cho các đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa được đảm bảo, không xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa.

Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 730 triệu USD, đạt 97,3% so với kế hoạch, tăng 12,3% so với năm 2013. *Kim ngạch nhập khẩu* ước đạt 15 triệu USD, đạt 75% kế hoạch năm; mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên nhiên liệu, vật liệu phục vụ sản xuất và máy móc thiết bị.

Dịch vụ vận tải cơ bản đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân trên địa bàn. Có 52 doanh nghiệp kinh doanh vận tải, trong đó 48 doanh nghiệp kinh doanh vận tải khách với 226 tuyến liên tỉnh và 8 tuyến nội tỉnh. Vận tải hàng hoá đạt 4,5 triệu tấn (tăng 39,6% so với KH, tăng 53,7% so với năm 2013); đạt khoảng 496 triệu tấn.Km (tăng 65,9% so với KH và tăng 69% so với năm 2013). Vận tải hành khách: 11,6 triệu hành khách (tăng 2% so với KH, tăng 4,2% so với năm 2013); đạt 3.435 triệu Hk.Km (tăng 164,84% so với KH và tăng 170,04% so với năm 2013).

Hoạt động du lịch tăng khá. Tổng số khách du lịch ước đạt 467.000 lượt, đạt 100,43% kế hoạch (KH: 465.000 lượt), tăng 13,9% so với cùng kỳ. Trong đó khách quốc tế ước đạt 47.000 lượt, tăng 17,5% so với cùng kỳ; khách trong nước đạt 420.000 lượt, tăng 13,51% so với cùng kỳ. Tổng doanh thu ước đạt 360 tỷ đồng, tăng 15,94% so với cùng kỳ năm 2013; công suất sử dụng buồng ước đạt 60,21%, đạt 94,08% so với kế hoạch (KH: 64%). Tuy nhiên hoạt động du lịch còn nhiều hạn chế, chưa khai thác hết tiềm năng sẵn có của địa phương; các sản phẩm về du lịch còn đơn điệu, chưa đủ sức hấp dẫn các du khách, nhất là khách quốc tế.

Các hoạt động dịch vụ viễn thông luôn được đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Tích cực xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, tạo đà phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn toàn tỉnh vào công tác quản lý, điều hành của Nhà nước, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân¹². Tổng số thuê bao điện thoại: 1.706.832 thuê bao (cố định: 81.230 thuê bao, di động: 1.625.602 thuê bao), đạt mật độ 95 thuê bao/100 dân; Dịch vụ Internet: 43.500 thuê bao, mật độ Internet đạt 15 thuê bao/100 dân.

Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ đào tạo, tiếp tục phát triển đa dạng, ở nhiều địa bàn; chất lượng dịch vụ của các hoạt động này ngày một nâng lên, đáp ứng tốt hơn cho nhân dân.

4. Công tác quản lý tài nguyên, môi trường

Tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch ước đạt 68,3% (KH là 70%), tăng 3,14% so với năm 2013; Tỷ lệ thu gom chất thải rắn đô thị được xử lý ước đạt 75,94% (KH là 78%), tăng 1,67% so với năm 2013.

Đã phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ) đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của 15 đơn vị cấp huyện và các phường, thị trấn. Tính đến nay, đã cấp 711.639 Giấy chứng nhận lần đầu với diện tích khoảng 957.349 ha/1.042.739 ha, đạt tỷ lệ 91,81% diện tích cần cấp¹³.

Nhìn chung, việc thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã cơ bản hoàn thành, tuy nhiên tiến độ thực hiện còn chậm so với kế hoạch và ảnh hưởng đến việc thẩm định, phê duyệt QHSDĐ đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) của các phường, thị trấn. Nguyên nhân là do các cấp lãnh đạo của một số huyện, thị xã, thành phố chưa thực sự quan tâm đúng mức đến công tác chỉ đạo thực hiện, chưa phối hợp chặt chẽ với đơn vị tư vấn; bên cạnh đó, một số đơn vị tư vấn lập quy hoạch còn hạn chế về năng lực nên chất lượng quy hoạch còn chưa cao và thời gian còn chậm so với yêu cầu.

5. Thu, chi ngân sách và Tín dụng, ngân hàng:

Thu – chi ngân sách:

Ước thu cân đối NSNN là 3.300 tỷ đồng, đạt 96,8% dự toán TW giao, bằng 82,5% dự toán HĐND tỉnh giao; bằng 92,2% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó: Thu thuế, phí và lệ phí là 2.550 tỷ đồng; Thu biện pháp tài chính là 525,5 tỷ đồng (trong đó thu tiền đất 390 tỷ đồng); Thu thuế XNK là 224 tỷ đồng¹⁴.

Đề chống thất thu thuế, đặc biệt là thuế tài nguyên trong lĩnh vực khai thác khoáng sản. Cục Thuế đã xây dựng, ban hành Đề án chống thất thu thuế tài nguyên và đang triển khai thực hiện, tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm. Đồng thời, chỉ đạo các Chi cục Thuế tăng cường công tác quản

¹² Hiện nay, có 05 nhà cung cấp dịch vụ Viễn thông, Internet gồm: Vinaphone, MobiFone, Viettel, Gtel và Vietnamobile; Dịch vụ Internet băng thông rộng cũng đã được phát triển mạnh mẽ, hiện nay có 100% xã phường thị trấn đã có Internet.

¹³ Trong đó: Cấp cho tổ chức: 600.517,44ha/609.475ha, đạt tỷ lệ: 98,53%; cấp cho hộ gia đình, cá nhân: 356.832,37ha/433.264ha, đạt tỷ lệ 82,36%.

¹⁴ Trong đó: Thu thuế, phí và lệ phí là 2.550 tỷ đồng, đạt 84,4% dự toán TW giao và đạt 79,7% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 93,4% so với cùng kỳ năm 2013; Thu biện pháp tài chính là 525,5 tỷ đồng, tăng 128,5% dự toán TW giao và đạt 81,9% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 79,1% so với cùng kỳ năm 2013 (trong đó thu tiền đất 390 tỷ đồng đạt 80% dự toán HĐND tỉnh giao); Thu thuế XNK là 224 tỷ đồng, tăng 41,8% so với dự toán TW giao, tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2013.

lý hộ kinh doanh, đưa các hộ thực tế có kinh doanh vào lập bộ, điều tra doanh thu để điều chỉnh mức thuế cho phù hợp với thực tế kinh doanh, giám sát chặt chẽ hộ tạm ngừng kinh doanh. Thực hiện việc phối hợp giữa Chi cục Thuế với Chi cục Thống kê, Phòng Tài chính - Kế hoạch để đối chiếu số hộ kinh doanh, làm rõ số chênh lệch từ đó có biện pháp xử lý. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra, rà soát lại toàn bộ số hộ hiện đang kinh doanh trên địa bàn từng xã, phường.

Ước chi ngân sách địa phương năm 2014 khoảng 11.787 tỷ đồng, tăng 26,2% dự toán TW giao và tăng 18,9% dự toán HĐND tỉnh giao đầu năm; tăng 5,5% so với cùng kỳ năm trước¹⁵.

Hoạt động tín dụng, ngân hàng: triển khai đồng bộ, kịp thời các cơ chế, chính sách của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước về tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng đến các tổ chức tín dụng trên địa bàn. Với sự nỗ lực, quyết tâm cao của hệ thống ngân hàng trên địa bàn đã góp phần trong việc tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, hộ gia đình trong hoạt động sản xuất kinh doanh¹⁶. Tổng nguồn vốn huy động ước đạt 25.293 tỷ đồng; tăng 22,3% so với đầu năm, vượt 8,3% kế hoạch đề ra từ đầu năm. Tổng dư nợ cho vay nên kinh tế ước đạt 45.119 tỷ đồng; tăng 12% (tăng 4.838 tỷ đồng) so với đầu năm, đạt kế hoạch tăng trưởng tín dụng năm 2014.

6. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản:

Tổng nguồn vốn đầu tư XDCB thuộc NSNN và trái phiếu Chính phủ năm 2014 đã phân bổ và giao kế hoạch đến hết tháng 31/10/2014 khoảng 2.774,938 tỷ đồng (trong đó: giao chi tiết cho dự án khoảng 1.944,828 tỷ đồng)¹⁷. Đã giải ngân được 1.113,969 tỷ đồng/1.944,828 tỷ đồng, đạt 57,28% kế hoạch.

Để đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng ngân sách nhà nước, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành tích cực phối hợp tháo gỡ khó khăn trong việc giải ngân vốn đầu tư; yêu cầu chủ đầu tư chủ động rà soát nhu cầu sử dụng vốn để đề xuất điều chỉnh kế hoạch, cùng với việc tổ chức giao ban XDCB định kỳ hàng quý...UBND tỉnh đã tổ chức đoàn kiểm tra tiến độ thi công của các dự án, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thực hiện nhằm đẩy nhanh tiến độ nâng cao hiệu quả đầu tư.

Về nợ đọng trong xây dựng cơ bản:

Tính đến 31/10/2014, tổng nợ đọng XDCB (nợ khối lượng) là khoảng 1.197 tỷ đồng/340 dự án¹⁸, bao gồm:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 79 dự án với số vốn còn nợ khối lượng chưa bố trí là 206,3 tỷ đồng (trong đó: 116,5 tỷ đồng/51 dự án đã bàn giao đưa vào sử dụng; 89,8 tỷ đồng/28 dự án đang thực hiện)

¹⁵ Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 1.211,3 tỷ đồng, tăng 121,3% dự toán TW và tăng 31,3% dự toán HĐND tỉnh giao đầu năm; đạt 94% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên: 8.987,3 tỷ đồng, tăng 26% dự toán TW và 22,6% dự toán HĐND tỉnh giao đầu năm; tăng 23,2% so với cùng kỳ năm trước.

¹⁶ Tổng dư nợ cho vay của ngân hàng Chính sách xã hội ước đạt 3.004 tỷ đồng, tăng 4,2% (tăng 122 tỷ đồng) so với đầu năm; tổng dư nợ cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn ước đạt 20.748 tỷ đồng, chiếm 46,1% tổng dư nợ cho vay, tăng 12% so với đầu năm với 311.473 khách hàng vay vốn.

¹⁷ 830,11 tỷ đồng còn lại được phân bổ có mục tiêu cho ngân sách huyện.

¹⁸ Tính đến 30/6/2013, tổng nợ đọng XDCB (nợ khối lượng) là 1.786,23 tỷ/339 dự án.

- Nguồn vốn ngân sách địa phương: 236 dự án với số vốn còn nợ khối lượng chưa bố trí là 796,8 tỷ đồng (trong đó: 496,3 tỷ đồng/165 dự án đã bàn giao đưa vào sử dụng; 300,5 tỷ đồng/71 dự án đang thực hiện) ;

- Nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ (phần Trung ương không giao kế hoạch giai đoạn 2012-2015): 25 dự án với số vốn còn nợ khối lượng chưa bố trí là 194,3 tỷ đồng (trong đó: 117,6 tỷ đồng/20 dự án đã bàn giao đưa vào sử dụng; 76,7 tỷ đồng/05 dự án đang thực hiện).

7. Hoạt động kinh tế đối ngoại và xúc tiến đầu tư:

Trong kỳ, đã thu hút được 32 dự án đầu tư tư nhân (trong đó có 13 dự án vào các Khu, cụm công nghiệp) với số vốn đăng ký 3.454 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm 2013, Tăng 10 dự án thu hút được và tăng 354 tỷ đồng vốn đăng ký. Đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho 12 dự án với tổng mức đầu tư đăng ký là 1.973 tỷ đồng, tăng 07 dự án so với năm 2013.

Cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho một¹⁹ dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nâng tổng số các dự án FDI trên địa bàn tỉnh lên 10 dự án với tổng vốn đăng ký 173,7 triệu USD²⁰. Công tác vận động tài trợ ODA tiếp tục được quan tâm, phát huy hiệu quả. Tiếp tục theo dõi, tăng cường vận động các dự án đã gửi đăng ký tài trợ, đặc biệt là các dự án thuộc danh mục kêu gọi tài trợ tại Diễn đàn đối tác phát triển khu vực Tam giác phát triển CLV (do Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp ADB tổ chức vào tháng 4/2014²¹. Vận động và tiếp nhận viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO)²² có chuyển biến tích cực, vận động thành công 03 dự án với tổng vốn 770.000 USD.

Hợp tác Tam giác phát triển: đã tổ chức Hội nghị sơ kết tình hình hợp tác với tỉnh Mondulkiri tại thành phố Buôn Ma Thuột (tháng 01/2014) và ký 01 Biên bản ghi nhớ. Các dự án đầu tư của doanh nghiệp Đắk Lắk tại Campuchia và Lào được triển khai đúng tiến độ²³.

Các chương trình hợp tác, liên kết vùng: đã ký 01 Văn bản ký kết hợp tác giữa các 05 tỉnh Tây Nguyên và Khánh Hòa, Phú Yên (tháng 2/2014) và tiếp tục theo dõi, chỉ đạo việc triển khai thực hiện 03 Chương trình²⁴ đã ký kết trước đây.

Các hoạt động đối ngoại của tỉnh được triển khai một cách chủ động, tích cực. Triển khai Chương trình xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài của tỉnh giai đoạn 2013 - 2017. Công tác quản lý về biên giới, lãnh thổ được thực hiện theo

¹⁹ Dự án thành lập công ty TNHH Tập đoàn đầu tư quốc tế Trung Dung – Việt Nam.

²⁰ Trong đó 8/10 dự án (với số vốn đăng ký 86,31 triệu USD) đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh; 2 dự án đang trong giai đoạn triển khai đầu tư (tổng vốn đăng ký 91,8 triệu USD).

²¹ Số dự án gửi đăng ký danh mục tài trợ và gửi trực tiếp nhà tài trợ là 09 dự án (KOICA, ADB và JICA); ngoài ra còn 30 dự án thuộc danh mục kêu gọi tài trợ tại Diễn đàn đối tác phát triển khu vực TGPT. Hiện đã vận động thành công 01 dự án.

Dự án vận động thành công trong kỳ là Dự án hỗ trợ kỹ thuật hạ tầng khu vực biên giới Tam giác phát triển (ADB); hiện Bộ Kế hoạch và Đầu tư và ADB đang phối hợp triển khai công tác thành lập Ban chuẩn bị dự án, chuẩn bị hồ trợ lập FS.

²² Nguồn vốn NGO: Hiện nay, tỉnh Đắk Lắk có 13 khoản viện trợ (11 dự án và 02 khoản viện trợ phi dự án) đang được triển khai thực hiện, trong đó có 10 khoản viện trợ do UBND tỉnh làm cơ quan chủ quản với tổng giá trị cam kết toàn dự án là 16,321 triệu USD.

²³ Có 05 dự án đã được cấp chứng nhận đầu tư ra nước ngoài (tổng vốn đăng ký 173,3 triệu USD), bao gồm 02 dự án tại Lào và 03 dự án tại Campuchia.

²⁴ Chương trình hợp tác Đắk Lắk – TP. Hồ Chí Minh; Chương trình hợp tác Đắk Lắk – Phú Yên; Chương trình hợp tác 6 tỉnh Nam Trung Bộ (Lâm Đồng – Khánh Hòa – Bình Thuận – Ninh Thuận – Đắk Lắk – Phú Yên).

kế hoạch đề ra²⁵. Quan hệ đối ngoại với các nước láng giềng Lào và Campuchia được tăng cường đẩy mạnh góp phần xây dựng mối quan hệ hữu nghị truyền thống giữa 03 nước ngày càng bền vững.

8. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp:

Năm 2013 và đầu năm 2014, do ảnh hưởng của tình hình suy thoái kinh tế nên số lượng doanh nghiệp thành lập vẫn tăng chậm, trong khi số lượng doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động tăng lên rất nhiều (670 doanh nghiệp)²⁶. Đến nay, có 680 doanh nghiệp dân doanh đăng ký mới (bằng 67,93% so với cùng kỳ năm trước) với tổng số vốn đăng ký 1.500 tỷ đồng (bằng 65,35% so với cùng kỳ năm trước)²⁷.

Hiện có 5.800 doanh nghiệp đang còn hoạt động (57 doanh nghiệp nhà nước, 5.743 doanh nghiệp dân doanh) và 06 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; 887 chi nhánh và 216 văn phòng đại diện còn hoạt động của các doanh nghiệp thuộc nhiều tỉnh thành phố trong cả nước.

Tình hình kinh tế tập thể: toàn tỉnh có trên 5.000 Tổ hợp tác (THT) và 350 Hợp tác xã (HTX) đăng ký, còn 236 hợp tác xã đang hoạt động. Nhìn chung, các HTX đã từng bước được củng cố, tổ chức và hoạt động theo luật HTX năm 2012; HTX tồn tại hình thức, HTX danh nghĩa cơ bản đã được xử lý, làm cho hình ảnh của HTX được cải thiện, quy mô HTX được mở rộng. Nhiều HTX đã đầu tư đổi mới trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật, làm cho chất lượng sản phẩm và dịch vụ ngày càng tốt hơn.

II. Lĩnh vực xã hội

1. Giáo dục - Đào tạo

Năm học 2013 - 2014, toàn tỉnh tăng 18 trường so với năm học 2012 - 2013. Tỷ lệ trường chuẩn Quốc gia ước đạt 29% (KH 2014 là 29%). Đến nay, có 164/184 xã phường, thị trấn đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt 89,13%, tăng 36,42% so với cùng kỳ năm 2013.

Kết quả tốt nghiệp THPT đạt 97,98%, tăng 2% so với năm trước; tốt nghiệp GDTX đạt 85,43%, tăng 29% so với năm trước. Kết quả đào tạo học sinh giỏi được nâng cao qua các kỳ thi khu vực và Quốc gia.

Tuy nhiên tình trạng dạy thêm, học thêm chưa được quản lý chặt chẽ; chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo trong vùng đồng bào DTTS còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh, đặc biệt là cấp mẫu giáo mầm non; cơ sở vật chất trường học tuy được đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu.

2. Y tế

²⁵ Kiểm tra, rà soát các cột mốc đã được thi công trên tuyến biên giới để lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa; Phối hợp với đoàn công tác liên ngành của Ủy ban Biên giới quốc gia - Bộ Ngoại giao khảo sát song phương xác định khu vực mốc 42; phối hợp với đội PGCM Campuchia và Tổ công tác Bộ TN&MT xác định trên thực địa vị trí mốc 42 và làm sơ đồ nhập theo quy định; tổ chức Hội đàm với Đội Phân giới cắm mốc Campuchia.

²⁶ Có 70 doanh nghiệp giải thể, 110 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh và 260 doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh; 230 doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do vi phạm Luật doanh nghiệp, Luật Quản lý thuế; 20 chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp chấm dứt hoạt động.

Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho 80 Chi nhánh, 30 văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 20 hợp tác xã (HTX) với số vốn 23 tỷ đồng.

²⁷ Trong đó có 98 DNTN, với tổng vốn 99,594 tỷ đồng; 371 Công ty TNHH một thành viên, với tổng vốn 559,452 tỷ đồng; 179 Công ty TNHH hai thành viên trở lên, với tổng vốn 618,351 tỷ đồng; 32 Công ty Cổ phần, với tổng đăng ký 222,603 tỷ đồng.

Hệ thống khám, chữa bệnh từng bước được củng cố; chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng cao; tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh có chuyển biến tích cực; các trang, thiết bị kỹ thuật cao tiếp tục được triển khai ứng dụng; tình trạng quá tải của các bệnh viện có chiều hướng giảm. Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 70,1% (KH 2014 là 50,5%). Tỷ lệ giường bệnh trên một vạn dân đạt 22,34% (tăng 2,37% so với cuối năm 2013). Công tác quản lý chất thải y tế đã triển khai ở tất cả các bệnh viện trong tỉnh.

Công tác truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình được đẩy mạnh, mạng lưới chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được củng cố; nhận thức của người dân về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em ngày càng tốt hơn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác y tế vẫn còn những tồn tại, hạn chế như: chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe chưa thực sự đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân; đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên sâu còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng; tình hình dịch bệnh tăng, diễn biến phức tạp, nhất là dịch tay chân miệng, sốt xuất huyết, sởi...; công tác phòng chống và điều trị còn nhiều khó khăn; tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh còn diễn biến khá phức tạp, ảnh hưởng đến tâm lý tiêu dùng cũng như sức khỏe của nhân dân.

3. Lĩnh vực Văn hoá, Thông tin:

- Ngành văn hóa thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc. Suu tầm, bảo tồn, phục dựng các giá trị di sản văn hóa phi vật thể như: Lễ cúng sức khỏe cho voi, Lễ cúng bến nước của người Êđê... Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” tiếp tục được triển khai sâu rộng, đạt được một số kết quả nhất định²⁸. Công tác phát triển thể dục thể thao quần chúng được chú trọng; thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

- Hệ thống phát thanh, truyền hình trong toàn tỉnh có sự phát triển nhanh cả về nội dung, chất lượng chương trình, hạ tầng kỹ thuật và phương thức truyền dẫn, phát sóng. Hệ thống phát thanh truyền hình 04 cấp đã phủ sóng hầu hết các địa bàn dân cư của tỉnh; Các chương trình thời sự bằng tiếng Êđê, M’Nông và các chuyên mục, chuyên đề thiết thực bổ ích khác, đặc biệt là chuyên mục xây dựng nông thôn mới đã được tuyên truyền đến tận người dân²⁹.

4. Lao động, Thương binh và Xã hội:

Công tác giải quyết việc làm, dạy nghề, đặc biệt là dạy nghề cho lao động nông thôn ngày càng được chú trọng; toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho khoảng 26.500 người (trong đó việc làm tăng thêm 14.200 người), đạt 100% kế hoạch đề ra (nữ: 12.800 người, dân tộc thiểu số: 8.300 người). Tuy nhiên, việc đầu tư cơ sở vật chất,

²⁸ Số gia đình đạt chuẩn văn hóa ước đạt 76 % (KH: 75 %); số thôn, buôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa ước đạt 66,7% (KH: 64%); 67,76% xã đăng ký xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới (103/152).

²⁹ Công tác phát thanh: Tiếp, phát sóng 14.782^h00’/14.782^h00’ đạt 100% KH, trong đó tiếp phát chương trình Đài TNVN 9.855^h00’/9.855^h00’ đạt 100%, chương trình địa phương 4.927^h00’/4.927^h00’ đạt 100% (tiếng ÊĐê 588^h30’, tiếng M’Nông 365^h00’). Tỷ lệ phủ sóng phát thanh trong tỉnh 100%. Đã sản xuất phát sóng 36 chuyên mục trên sóng phát thanh.

Công tác truyền hình: Tiếp, phát sóng 47.450^h00’/47.450^h00’ đạt 100% KH, trong đó tiếp phát chương trình Đài Truyền hình Việt Nam 40.515^h00’/40.515^h00’ đạt 100%, chương trình địa phương 6.935^h00’/6.935^h00’ đạt 100% (tiếng ÊĐê 365^h00’, tiếng M’Nông 72^h00’). Tỷ lệ phủ sóng truyền hình trong tỉnh 100%. Đã sản xuất phát sóng 44 chuyên mục trên sóng truyền hình.

trang thiết bị cho các Trung tâm dạy nghề, nhất là ở cấp huyện không phù hợp với ngành nghề cần đào tạo; nội dung, ngành nghề chưa đáp ứng được nhu cầu của người học và thị trường lao động; chưa giải quyết được đầu ra sau đào tạo.

Công tác giảm nghèo được các cấp, các ngành, các địa phương tích cực triển khai thực hiện và tiếp tục có kết quả tích cực³⁰; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 12,75% (giảm 2,1% so với năm 2013), đạt kế hoạch đề ra (KH 2-3%). Song nguồn lực đầu tư cho mục tiêu giảm nghèo còn nhiều hạn chế; tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn cao so với mặt bằng chung của tỉnh và vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ tái nghèo.

Tiếp tục thực hiện tốt chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sỹ và người có công, tăng cường công tác vận động ủng hộ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa. Công tác bảo trợ xã hội, công tác Bảo vệ và chăm sóc trẻ em có nhiều tiến bộ. Các hoạt động tuyên truyền, tập huấn về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ngày càng được quan tâm hơn.

5. Khoa học và Công nghệ:

Công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống được chú trọng; nổi bật là việc tiếp thu, ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong ngành nông nghiệp. Công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm hàng hóa, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến được quan tâm hơn, đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, tăng khả năng cạnh tranh và năng lực xuất khẩu. Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số hạn chế như: Đề tài, dự án xin gia hạn còn nhiều; dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014-2020” triển khai còn chậm; đề án quỹ gen đã được phê duyệt nhưng triển khai thực hiện còn ít, một phần là do kinh phí sự nghiệp còn hạn chế; việc xây dựng dự án trại thực nghiệm khoa học và công nghệ còn kéo dài.

6. Công tác dân tộc:

Cùng với việc tăng cường công tác tuyên truyền, vận động; đẩy mạnh khuyến nông, khuyến lâm; các Sở, ngành, địa phương tích cực triển khai thực hiện các nguồn vốn TW hỗ trợ cho các chương trình trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), như: Chương trình 135³¹; Chương trình 655/CTr-UBND của UBND tỉnh về Phát triển kinh tế thôn, buôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ của tỉnh đến năm 2015; Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào DTTS theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg (CT 33); Chính sách đối với người có uy tín ở vùng dân tộc thiểu số; Đề án giải quyết đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo tại các xã vùng III và thôn buôn đặc biệt khó khăn (CT 755); Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân theo Quyết định số 102/QĐ-TTg.

Nhìn chung, việc tích cực thực hiện các chính sách trên đã góp phần giúp cho

³⁰ Giải quyết cho 52.000 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn, với số tiền 800.000 triệu đồng; Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho 625.000 người nghèo, người dân tộc thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế là 412.000 triệu đồng; Thực hiện hỗ trợ tiền điện cho khoảng 43 ngàn lượt hộ nghèo, kinh phí 24 tỷ đồng.

³¹ UBND tỉnh đã giao bổ sung có mục tiêu 88.595 triệu đồng cho ngân sách cấp huyện để các đơn vị tiến hành đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, duy tu bảo dưỡng và hỗ trợ phát triển sản xuất cho các đối tượng này.

đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo có cơ hội thoát nghèo; tiếp cận được với các dịch vụ xã hội và vươn lên làm giàu, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị và xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, nguồn vốn Trung ương hỗ trợ cho các chương trình quá thấp dẫn đến đầu tư manh mún, dàn trải, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thấp; tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn cao so với bình quân chung của tỉnh, khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa vùng đồng bào DTTS so với các vùng khác còn cao, đặc biệt là đối với đồng bào DTTS tại chỗ; năng suất, hiệu quả sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp của đồng bào còn hạn chế; số hộ thiếu đất sản xuất còn rất lớn; chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe cho đồng bào ở vùng sâu, vùng xa một số nơi chưa tốt; một số tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan trong đồng bào vẫn còn tồn tại; việc bảo tồn và phát huy một số bản sắc văn hóa tốt đẹp chưa được quan tâm đầy đủ; công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ là dân tộc thiểu số còn nhiều bất cập; tỷ lệ cán bộ là dân tộc thiểu số trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể chưa đảm bảo theo quy định của Tỉnh ủy.

III. Lĩnh vực nội chính:

1. Công tác Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Các cấp, các ngành đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, chủ động thực hiện quyền thanh tra theo đúng quy định của pháp luật thanh tra. Qua thanh tra đã chỉ ra được những yếu kém, hạn chế trong công tác quản lý; đồng thời phát hiện những sai phạm về kinh tế, kịp thời kiến nghị xử lý đối với những trường hợp sai phạm, khuyết điểm, góp phần hạn chế tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực³².

Tổ chức tốt công tác tiếp dân đúng định kỳ³³. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đã được chú trọng và chuyển biến tích cực. Đã tập trung tham mưu xử lý các vụ việc tồn đọng, kéo dài; tổ chức tiếp nhận, xử lý và tham mưu giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các đơn thư khiếu nại, tố cáo³⁴.

Tuy nhiên, một số đoàn thanh tra còn kéo dài so với thời hạn quy định; Công tác tiếp dân ở một số đơn vị cơ sở chưa được chu đáo; việc xử lý đơn một số vụ còn chậm, thiếu chính xác dẫn đến tình trạng đơn thư gửi lòng vòng; một số vụ việc khiếu nại, tố cáo giải quyết chưa dứt điểm, còn để kéo dài...

2. Tư pháp:

Triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phổ biến sâu rộng tinh thần và nội dung của Hiến pháp đến cán bộ, nhân dân trên địa bàn tỉnh. Công tác xây dựng, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

³² Ngành Thanh tra đã triển khai 199 cuộc thanh tra hành chính và 1.806 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện sai phạm với tổng số tiền 33.555 triệu đồng; kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 9.275 triệu đồng; trả lại cho tập thể 28 triệu đồng; xuất toán 20 triệu đồng; ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 4.164 triệu đồng; kiến nghị xử lý khác 20.068 triệu đồng; kiến nghị xử lý hành chính đối với 70 tập thể, 61 cá nhân; đề nghị chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra 02 vụ, 02 đối tượng.

³³ Các cấp, các ngành trong tỉnh tiếp tiếp 3.705 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, gồm 2.665 vụ việc (KN 491, TC 71, KNPA 2.103).

³⁴ Tổng số đơn tiếp nhận và phải xử lý là 3.885 đơn (trong đó số đơn chưa được xử lý từ kỳ trước chuyển sang là 205 đơn và đơn tiếp nhận mới là 3.680 đơn).

(QPPL)³⁵, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)³⁶ được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp bằng pháp luật; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), trợ giúp pháp lý (TGPL) tiếp tục triển khai theo hướng đa dạng hóa về hình thức và hướng mạnh về cơ sở, từng bước nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ và nhân dân³⁷; việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông đã giải quyết kịp thời các yêu cầu của công dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Tuy nhiên, tổ chức bộ máy, cán bộ ở một số địa phương vẫn còn thiếu, trình độ chuyên môn còn hạn chế; việc triển khai thi hành Hiến pháp chưa thực sự đồng bộ; công tác thẩm định, kiểm tra văn bản QPPL ở một số địa phương chưa thật sự đi vào nề nếp; công tác theo dõi thi hành pháp luật chưa được triển khai đều ở cấp huyện; công tác quản lý về xử lý vi phạm hành chính triển khai chậm; công tác kiểm soát TTHC ở một số Sở, ban, ngành, địa phương chưa được quan tâm chỉ đạo thực hiện kịp thời.

3. Cải cách hành chính, xây dựng chính quyền:

Công tác tổ chức cán bộ, tổ chức bộ máy và đào tạo cán bộ, công chức được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Thực hiện tốt quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức (CB, CC, VC), qua đó đảm bảo được sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ trách nhiệm cá nhân.

Tích cực triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2012-2015 và Kế hoạch cải cách hành chính năm 2014³⁸. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành gắn với cải cách hành chính được đẩy mạnh; 100% cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, huyện đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 :2008, bao gồm 21 Sở ngành, 14 Chi cục và 15 huyện, thị xã, thành phố. Hiện nay, tỉnh xếp 36/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về Chỉ số Cải cách hành chính.

Đã tiến hành xây dựng vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập cho toàn tỉnh (theo Nghị định 41/2012/NĐ-CP ngày 8/5/2012); Các sở, ngành, UBND cấp huyện đang tích cực xây dựng đề án vị trí việc làm của từng các đơn vị (theo Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013).

³⁵ Thẩm định 59 dự thảo văn bản QPPL, góp ý 125 dự thảo văn bản; tự kiểm tra 42 văn bản của UBND tỉnh (đã phát hiện và đề nghị xử lý 01 văn bản có dấu hiệu không phù hợp quy định của pháp luật), kiểm tra theo thẩm quyền 70 văn bản - đều phù hợp với quy định của pháp luật.

³⁶ Đề nghị Bộ Tư pháp công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia đối với 263 TTHC tại 08 Quyết định công bố TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, đã hoàn thành việc kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC tại một số đơn vị, địa phương theo Kế hoạch; tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá TTHC năm 2014

³⁷ Đã biên soạn, in 09 loại tờ gấp với 772.000 tờ tuyên truyền pháp luật; 720 cuốn luật, đề cương, tài liệu chuyên đề giới thiệu Hiến pháp năm 2013 và các luật mới; xây dựng 1.500 đĩa CD tuyên truyền Hiến pháp năm 2013 và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông; phát hành 35.000 cuốn bản tin Tư pháp Đắc Lắc cấp phát miễn phí cho cơ sở.

Đã tổ chức 44 đợt TGPL lưu động cho các đối tượng ở các xã vùng III, thôn, buôn, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thực hiện 1.482 vụ việc TGPL cho 1.401 lượt người; đánh giá chất lượng 48 vụ việc TGPL (100% vụ việc đạt yêu cầu).

³⁸ Đã kiểm tra công tác cải cách hành chính đối với 8 Sở, ngành, 4 UBND huyện và 6 UBND xã, phường, thị trấn; kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính đối với 8 cơ quan hành chính nhà nước, kiểm tra, đánh giá việc khai thác và sử dụng hệ thống phần mềm một cửa điện tử tại 50% đơn vị vận hành; khảo sát, lắp đặt 02 cụm pa nô tuyên truyền cải cách hành chính; biên soạn, xuất bản 1.000 cuốn sổ tay Cải cách hành chính để cấp phát cho cơ sở hỗ trợ thực hiện, theo dõi đánh giá cải cách hành chính.

Các cấp, các ngành đã quán triệt thực hiện tốt Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, triển khai thực hiện Nghị định số 92/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ; giải quyết 88 hồ sơ (Công giáo 26, Phật giáo 43, Tin lành 16, Cao đài 03) về các lĩnh vực: Xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự, công nhận thành lập đơn vị cơ sở, đi học, thuyên chuyển, bổ nhiệm chức sắc và các nhu cầu khác.

Đây mạnh công tác thi đua, khen thưởng và phong trào thi đua yêu nước hướng tới việc đẩy mạnh các hoạt động và tổ chức kỷ niệm 110 năm Buôn Ma Thuột hình thành, phát triển và 40 năm chiến thắng Buôn Ma Thuột, giải phóng tỉnh Đắk Lắk³⁹.

Bên cạnh đó còn một số hạn chế như: thực hiện chế độ báo cáo đôi lúc còn chậm trễ; Chưa khai thác triệt để thế mạnh của ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc; công tác cải cách hành chính ở một số đơn vị còn nặng về hình thức; Công tác quản lý về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức còn nhiều bất cập; việc đánh giá kết quả sau đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức còn hạn chế, chưa sát với thực tế và yêu cầu chung.

IV. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn, không để xảy ra các hoạt động vi phạm chủ quyền lãnh thổ; chủ động phòng chống vượt biên, xâm nhập trái phép⁴⁰; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới. Tổ chức thực hiện hoàn thành diễn tập khu vực phòng thủ tại 6/6 huyện; hoàn thành tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2014 đạt 100% chỉ tiêu.

Chủ động triển khai các biện pháp nắm bắt tình hình, đấu tranh, ngăn chặn với âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, phản động, số đối tượng cơ hội, chống đối. Phát hiện, đấu tranh vô hiệu hóa 124 đối tượng liên quan FULRO, 46 đối tượng liên quan hoạt động “Nhà nước Mông” vượt biên trái phép. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo; đấu tranh với tà đạo, đạo lạ và hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật.

Nâng cao hiệu quả các mặt công tác phòng ngừa tội phạm. Điều tra làm rõ 1.084 vụ án (đạt tỷ lệ 88,1%), bắt 2.192 đối tượng, riêng án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng điều tra làm rõ 179/187 vụ, bắt 260 đối tượng, đạt tỷ lệ 95,72%. Tình hình tai nạn giao thông được kiểm giảm trên cả 3 tiêu chí số vụ, số người chết và số người bị thương⁴¹. Do ý thức của người dân trong công tác phòng cháy chữa cháy còn chưa cao,

³⁹ Chủ tịch Nước tặng Danh hiệu vinh dự Nhà nước "Thầy thuốc ưu tú" cho 02 cá nhân; Tặng Huân chương Độc lập cho 98 gia đình có nhiều Liệt sỹ; Truy tặng, phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng" cho 133 mẹ; tặng Huân chương Độc lập hạng Ba cho 01 tập thể; Huân chương Lao động cho 06 tập thể và 28 cá nhân

Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho 15 tập thể và 63 cá nhân, Cờ thi đua của Chính phủ cho 02 tập thể (trong đó có 01 tập thể và 01 cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong phong trào xây dựng nông thôn mới);

Chủ tịch UBND tỉnh tặng Cờ thi đua cho 28 tập thể, Tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh cho 92 cá nhân, Tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc cho 397 tập thể;

Trình Chủ tịch Nước truy tặng, phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng” cho 30 mẹ (đợt 03). Trình Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương cấp, đổi Bằng khen thưởng thành tích kháng chiến cho 125 trường hợp bị sai sót, hư hỏng, rách nát.

⁴⁰ Phát hiện, bắt và xử lý 35 vụ/50 đối tượng (tăng 23 vụ, 03 đối tượng so với cùng kỳ), chủ yếu là các vụ vi phạm quy chế biên giới như: khai thác lâm sản, săn bắt thú rừng và tàng trữ sử dụng vũ khí trái phép).

⁴¹ Đã xảy ra 455 vụ, làm chết 224 người, bị thương 525 người (giảm 78 vụ = 14,6%, 54 người chết = 19,4%, và 45 người bị thương = 7,9%).

tai nạn cháy nổ xảy ra còn nhiều⁴², trong đó có 01 vụ nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn về tài sản.

Đánh giá chung:

Cùng với dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế trong nước, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục có bước phát triển; tốc độ tăng trưởng kinh tế có mức tăng khá so với năm 2013. Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp phát triển khá, giữ vững vai trò quan trọng trong ổn định kinh tế và đời sống nông thôn, góp phần chủ yếu trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh; việc đưa nhiều các giống mới, giống lai có năng suất cao, chất lượng tốt trong ngành trồng trọt, chăn nuôi, cùng với việc xuất hiện nhiều mô hình sản xuất tốt, hiệu quả kinh tế cao, đã góp phần thay đổi diện mạo của ngành.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân có nhiều tiến bộ. Hệ thống khám, chữa bệnh từng bước được củng cố; chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng cao; tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh có chuyển biến tích cực. Ngành văn hóa thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc. Các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, thông tin, tuyên truyền được quan tâm, đáp ứng nhu cầu học tập, truyền tải kịp thời chính sách, chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước cũng như nhu cầu nắm bắt thông tin về kinh tế, xã hội của nhân dân. Công tác giảm nghèo được các cấp, các ngành, các địa phương tích cực triển khai thực hiện và tiếp tục có kết quả tích cực. Các chương trình phúc lợi, an sinh xã hội được thực hiện khá tốt và phát huy hiệu quả. Tai nạn giao thông được kiểm chế; quốc phòng, an ninh tiếp tục được giữ vững.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế không đạt được mục tiêu kế hoạch, chất lượng của nền kinh tế không cao, thiếu ổn định. Sản xuất công nghiệp cầm chừng; chưa có được những ngành, lĩnh vực, dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh có quy mô lớn, có ảnh hưởng sâu rộng đến sự phát triển của ngành công nghiệp cũng như của nền kinh tế. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) còn thấp, chậm được cải thiện; Hoạt động xúc tiến đầu tư còn nhiều yếu kém, không đem lại kết quả như mong muốn; Cơ sở hạ tầng nhất là giao thông còn nhiều yếu kém và bất cập, cùng với việc xuống cấp của tuyến giao thông huyết mạch (Quốc lộ 14) chậm được đầu tư đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất và lưu thông. Hoạt động của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, số doanh nghiệp giải thể, hoạt động cầm chừng, hoặc ngừng hoạt động, không phát sinh doanh thu, phát sinh thuế còn nhiều; trong khi đó trung ương và tỉnh cũng chưa có các chính sách, giải pháp hữu hiệu để hỗ trợ cho các doanh nghiệp. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhưng không ổn định, nguy cơ tái nghèo cao; đời sống của một bộ phận dân cư còn gặp khó khăn, nhất là ở các vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Thu ngân sách nhà nước 03 năm liên không đạt chỉ tiêu kế hoạch và có xu hướng giảm dần. Nợ đọng trong XDCB của tỉnh nhiều làm ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư cho những năm sau cũng như khó khăn của của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2015

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Theo dự báo của Trung ương, năm 2015 kinh tế thế giới sẽ tiếp tục phục hồi,

⁴² Xây ra 44 vụ cháy, làm chết 01 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 27,7 tỷ đồng, tăng 05 vụ so với cùng kỳ năm 2013.

tuy nhiên vẫn tiếp tục chịu tác động từ các cuộc khủng hoảng chính trị, tranh chấp chủ quyền tại nhiều khu vực trên thế giới. Kinh tế trong nước năm 2015 dự báo sẽ tiếp tục trên đà hồi phục với mức tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, việc phát triển các ngành dịch vụ tiếp tục được chú trọng. Thị trường trong nước dự kiến vẫn sẽ được các doanh nghiệp chú trọng và là giải pháp hữu hiệu hỗ trợ xuất khẩu và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên, việc tham gia vào các hiệp định thương mại tự do đa phương, song phương, ngoài những lợi ích có thể đem lại cho xuất khẩu các mặt hàng chiến lược thì các ngành sản xuất trong nước cũng sẽ là chịu tác động tiêu cực nếu như không có các biện pháp hỗ trợ phù hợp và kịp thời, đặc biệt là đối với ngành nông nghiệp..

Đối với tỉnh ta, những năm qua có nhiều chủ trương lớn của Trung ương trong việc xây dựng phát triển thành phố Buôn Ma Thuột nói riêng, tỉnh Đắk Lắk nói chung và những kết quả thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp, các nhà tài trợ Quốc tế ..., cơ sở vật chất kinh tế - xã hội đã tạo ra cho đến năm 2014 đã góp phần vào tăng năng lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; bước đầu, một số nhà đầu tư khảo sát, chuẩn bị đầu tư dự án chế biến tinh bột sắn, chăn nuôi bò thịt, bò sữa, cụm công nghiệp mía đường ở Ea Súp sẽ mở ra triển vọng tăng sản lượng công nghiệp và có sản phẩm mới như sữa, bánh kẹo... các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh như: cà phê, cao su, hồ tiêu, sắn, mía... có mức ổn định, tạo điều kiện cho nông dân tái đầu tư và tác động tích cực đến sản xuất kinh doanh, xuất khẩu. Đồng thời, năm 2015 là năm cuối của kế hoạch 05 năm 2011 - 2015, vì vậy, các ngành, các cấp và địa phương phải nỗ lực phấn đấu, phát huy tối đa các nguồn lực hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch.

Tuy nhiên, năng lực sản xuất mới đưa vào nền kinh tế không nhiều; vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước không tăng hơn so với năm 2014 trong khi việc thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp, nhà đầu tư cũng chưa mấy khả quan; Mặt khác, dưới tác động của biến đổi khí hậu, thời tiết biến đổi bất thường; dịch bệnh cây trồng vật nuôi vẫn còn xảy ra; tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong tỉnh chậm hồi phục, giá cả một số nguyên liệu đầu vào có chiều hướng tăng cao, hạ tầng giao thông xuống cấp, dự án đầu tư Quốc lộ 14 chưa hoàn thành vẫn là những yếu tố làm hạn chế tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội trong năm 2015.

II. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát:

Tập trung mọi nguồn lực thúc đẩy sản xuất phát triển; Triển khai xây dựng và thực hiện tái cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, nhất là tái cơ cấu đầu tư công; đẩy mạnh đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, cải cách hành chính. Tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2014; đảm bảo an sinh xã hội; Tăng cường tiềm lực quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu:

Trên cơ sở ước thực hiện kế hoạch năm 2014 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2015, dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng năm 2015 như sau:

(1) Các chỉ tiêu kinh tế:

1- Tổng sản phẩm xã hội (*theo giá so sánh 1994*) khoảng 18.614 tỷ đồng. Tăng trưởng kinh tế 8,5% so với ước thực hiện năm 2014. Trong đó:

- Giá trị ngành nông, lâm, thủy sản 7.780 tỷ đồng, tăng 4-5%.
- Giá trị ngành công nghiệp xây dựng 3.560 tỷ đồng, tăng 11-12%.
- Giá trị ngành dịch vụ 7.274 tỷ đồng, tăng 11-12%.

* Tổng sản phẩm xã hội (*theo giá so sánh 2010*) khoảng 41.370 tỷ đồng. Tăng trưởng kinh tế 9,7% so với ước thực hiện năm 2014. Trong đó:

- Giá trị ngành nông, lâm, thủy sản 17.230 tỷ đồng, tăng 4,5-5%.
- Giá trị ngành công nghiệp xây dựng 7.220 tỷ đồng, tăng 12-13%.
- Giá trị ngành dịch vụ 16.920 tỷ đồng, tăng 14-15%.

* Cơ cấu kinh tế năm 2015 (*giá hiện hành*): Nông - lâm - thủy sản chiếm 46-47%; công nghiệp - xây dựng chiếm 15-16%; dịch vụ chiếm 37-38%.

2- Thu nhập bình quân đầu người theo giá thực tế là 35 triệu đồng.

3- Huy động vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 18.000 tỷ đồng, tăng 33,3% so với ước thực hiện năm 2014, bằng khoảng 27,7% tổng sản phẩm xã hội.

4- Tổng mức lưu chuyển hàng hóa trên địa bàn 56.550 tỷ đồng, tăng 14,4% so với ước thực hiện năm 2014.

5- Tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 750 triệu USD, tăng 2,7% so với ước thực hiện 2014; Tổng kim ngạch nhập khẩu khoảng 17 triệu USD, tăng 13,3% so với ước thực hiện 2014.

6- Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn khoảng 3.650 tỷ đồng, tăng 10,6% so với ước thực hiện năm 2014.

7- Phát triển hạ tầng: Thủy lợi bảo đảm tưới chủ động cho trên 76,3% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; cải tạo, nâng cấp nhựa hoặc bê tông hóa 100% các tuyến đường tỉnh, 80% hệ thống đường huyện, 50% đường xã và liên xã; 97% thôn, buôn có điện, trong đó 97% số hộ được dùng điện.

(2) *Các chỉ tiêu xã hội:*

8- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 2,5-3% so với năm 2014.

9- Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 31,4% (tăng 2,4% so với năm 2014); Có 95% thôn, buôn có trường hoặc lớp mẫu giáo (tính cả thôn, buôn học ghép lớp).

10- Giải quyết việc làm cho 27.000 lao động (trong đó việc làm tăng thêm 14.500 lao động), tăng 500 lao động so với dự kiến thực hiện năm 2014. Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động 50% trở lên, tăng 04% so với ước thực hiện năm 2014, trong đó qua đào tạo nghề 40% trở lên, tăng 03% so với ước thực hiện năm 2014. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 2,94%, giảm 0,01% so với ước thực hiện năm 2014.

11- Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế là 75%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm còn 22,3% trở xuống, giảm 0,5% so với ước thực hiện năm 2014. Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính trạm y tế cấp xã, phường) đạt 22,79 giường.

12- Mức giảm tỷ lệ sinh khoảng 0,56%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng 1,17%. Quy mô dân số khoảng 1.865 ngàn người.

13- Phần đầu có từ 20-25% số xã cơ bản đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

(3) *Các chỉ tiêu môi trường:*

14- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg) được xử lý đạt 100%. Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%. Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom: 78%, tăng 2,06% so với ước thực hiện năm 2014. Tỷ lệ đô thị loại 3 trở lên có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt 100%.

15- Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su) 39,3%, tăng 0,65% so với ước

thực hiện năm 2014.

16- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 85%, tăng 2% so với ước thực hiện năm 2014.

17- Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch: 72%, tăng 3,7% so với ước thực hiện năm 2014.

(4) *Chỉ tiêu an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội:*

18- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, chủ động nắm chắc tình hình và xử lý tốt các tình huống, không để bị động, bất ngờ. Tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu. Đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội, phần đầu giảm ít nhất là 10% tỷ lệ tai nạn giao thông trên cả 3 mặt (về số vụ, số người chết và bị thương). Tỷ lệ điều tra làm rõ số vụ án hình sự đạt trên 85%, trong đó tỷ lệ điều tra làm rõ trên 90% án hình sự rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.

3. So sánh và đánh giá chỉ tiêu kế hoạch 2015 với Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2011-2015:

So với chỉ tiêu chủ yếu năm 2015 tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh – quốc phòng tỉnh Đắk Lắk 5 năm 2011-2014 của HĐND tỉnh, có **11/18** chỉ tiêu chủ yếu được xây dựng thấp hơn kế hoạch là: (1) GDP; (2) Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội; (3) Kim ngạch xuất – nhập khẩu; (4) Thu cân đối ngân sách nhà nước; (5) Tỷ lệ thôn, buôn có điện; (6) Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế; (7) Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đạt và Tỷ lệ thôn, buôn có trường hoặc lớp mẫu giáo; (8) Tỷ lệ thôn, buôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; (9) Tỷ lệ thu gom chất thải rắn tại đô thị được xử lý; (10) Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch; (11) Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su). Cụ thể:

- GDP (*GDP: 18.447 tỷ đồng KH2015 / 25.180 tỷ đồng KH11-15*) và Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội (*17.000 tỷ đồng KH2015 / 21.351 tỷ đồng KH11-15*): kế hoạch phát triển KTXH 2011-2015 được xây dựng ở thời điểm tỉnh Đắk Lắk đang ở mức tăng trưởng cao, những năm gần đây, do ảnh hưởng chính của suy thoái kinh tế, tốc độ tăng trưởng đã có phần chậm lại. Cùng với lộ trình giảm đầu tư công (NSTW hỗ trợ), thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ và nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn do khủng hoảng kinh tế đã làm cho vốn đầu tư toàn xã hội không đạt như kế hoạch, trực tiếp ảnh

hưởng đến GDP⁴³.

- Xuất nhập khẩu (*Xuất khẩu: 750 triệu USD KH2015/ 910 triệu USD KH11-15; nhập khẩu: 15 triệu USD KH2015/50 triệu USD KH11-15*) hiện nay hầu hết giá cả các mặt hàng xuất khẩu giảm; các doanh nghiệp trong tỉnh khó khăn về vốn, khó tiếp cận được nguồn vốn vay nên không thu mua được sản lượng như dự kiến. Nhập khẩu chủ yếu là máy móc thiết bị của các dự án; tuy nhiên, một số dự án đang gặp khó khăn về thủ tục hoặc tài chính nên số dự án triển khai thực hiện đến năm 2015 thấp hơn dự kiến.

- Thu ngân sách (*3.600 tỷ đồng KH 2015 / 6.985 tỷ đồng KH 11-15*): Do thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; tình trạng nợ đọng thuế vẫn ở mức cao; vẫn còn tình trạng trốn thuế, gian lận thuế; nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh; bên cạnh đó, giá một số loại nông sản chủ lực của tỉnh giảm mạnh nên khả năng thu ngân sách đạt rất thấp so với kế hoạch đặt ra.

- Tỷ lệ thôn, buôn có điện (*97% thôn, buôn KH2015 / 100% KH11-15*): Dự án cấp điện cho các thôn buôn chưa có điện ở Tây Nguyên giai đoạn 2 (bao gồm 189 thôn buôn chưa có điện và 627 thôn buôn có tỷ lệ hộ có điện thấp) hiện vẫn đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư.

- Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế (*75% KH2015 / 100% KH11-15*); Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính trạm y tế cấp xã, phường) (*22,34 giường KH2015 / 25 giường KH11-15*):

+ Khi xây dựng kế hoạch KT-XH 5 năm giai đoạn 2011-2015 (năm 2010) thì Tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế được lấy theo tiêu chí cũ, tỷ lệ này theo kế hoạch là 100%; đến năm 2011 thực hiện theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020, tỷ lệ này được đổi tên thành Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế và lấy theo tiêu chí mới. Do vậy, dự kiến năm 2015 chỉ tiêu này đạt 75%.

+ Một số bệnh viện không có vốn đầu tư (BV Đa khoa Krông Búk); tiến độ thực hiện chậm so với kế hoạch đề ra (BV đa khoa vùng Tây Nguyên); một số bệnh viện tư nhân đã có chủ trương nhưng không có vốn để đầu tư (BV đa khoa Nhân An) hoặc đã đầu tư nhưng không đủ kinh phí đầu tư như quy mô ban đầu (BV Đa khoa Ngoại sản Tây Nguyên)... đã làm cho số giường bệnh/vạn dân đến năm 2015 không thể đạt đến 25 như kế hoạch 5 năm.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đạt (*31,4% KH2015 / 32,5% KH11-15*); Tỷ lệ thôn, buôn có trường hoặc lớp mẫu giáo (*94% KH2015 / 100% KH11-15*):

+ Do số lượng trường học ngày càng tăng lên do đó chỉ tiêu Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia khó đạt theo kế hoạch.

+ Hiện nay còn khoảng gần 200 thôn buôn có nhu cầu xây dựng trường lớp học, tuy nhiên do nhu cầu thực tế nhiều thôn, buôn không cần thiết phải xây phòng học mà chỉ cần học ghép 2-3 buôn nên Tỷ lệ thôn, buôn có trường hoặc lớp mẫu giáo thấp hơn so với kế hoạch.

- Chỉ tiêu buôn có nhà sinh hoạt cộng đồng (*97% KH2015 / 100% KH11-15*):

⁴³ Riêng chỉ tiêu Thu nhập bình quân đầu người theo giá thực tế do phụ thuộc vào hệ số trượt giá, trước đây khi xây dựng KH hệ số trượt giá khoảng 3-4%, tuy nhiên do suy thoái kinh tế, hệ số trượt giá tăng trung bình khoảng 6-7%, do đó chỉ tiêu này cao hơn so với KH 5 năm

Hiện nay, tỉnh đã phân cấp cho ngân sách huyện đầu tư xây dựng. Thực tế, nhiều địa phương không có đất xây dựng, có địa phương chưa cân đối được vốn. Một mặt, việc tách lập địa giới diễn ra hàng năm nên việc đầu tư khó đạt được như kế hoạch đặt ra. Mặt khác, theo tình hình thực tế, nhiều thôn, buôn không có nhu cầu xây dựng riêng mà sử dụng chung 1,2 buôn/01 nhà sinh hoạt cộng đồng.

- Chất thải rắn ở đô thị được thu gom xử lý (78% KH2015 / 90% KH11-15):

Tỉnh chưa có các cơ chế, chính sách để thu hút các đơn vị dịch vụ công ích đầu tư, mở rộng địa bàn hoạt động trong lĩnh vực này (lao động, đầu tư phương tiện, thiết bị). Ngoài ra, các bãi xử lý CTR trên địa bàn tỉnh chủ yếu đều là bãi tạm, chưa đầu tư hạ tầng, công nghệ xử lý, do đó chưa xử lý triệt để môi trường.

- Dân số đô thị được sử dụng nước sạch (72% KH2015/ 90% KH11-15):

Nguồn nước ngầm có trữ lượng không ổn định, chênh lệch trữ lượng nước giữa mùa khô và mùa mưa cao. Không có lượng nước dự phòng nên công tác cấp nước còn bị động và khó khăn cho việc mở rộng mạng lưới cấp nước đô thị. Bên cạnh đó, một số dự án cấp nước trọng điểm đã không thể hoàn thành trong giai đoạn 2011-2015 dẫn đến Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt thấp.

- Tỷ lệ che phủ rừng, tính cả cây cao su (39,27%KH2015 / 52% KH11-15):

Do sự sai khác về phương pháp tính của giai đoạn trước và sau năm 2014; thống kê diện tích rừng bị lấn chiếm trước năm 2013 chưa kịp thời; diện tích rừng giảm do các quy hoạch đất đai, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; diện tích rừng trồng thực tế thấp hơn so với kế hoạch; cùng với quy định mới về loại rừng tham gia tính độ che phủ đã dẫn đến tỷ lệ che phủ rừng thấp hơn kế hoạch rất nhiều.

III. Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu:

1. Xác định trọng điểm tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; nỗ lực thu hút đầu tư; phát huy vai trò nòng cốt của nhân dân trong phong trào xây dựng nông thôn mới; chủ động điều hành thu ngân sách, tăng cường quản lý chi ngân sách, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả:

a. Hoàn thiện Báo cáo Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để làm căn cứ cho rà soát điều chỉnh các quy hoạch ngành, quy hoạch sản phẩm và xây dựng kế hoạch 5 năm 2016 - 2020; Tập trung rà soát, điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu phù hợp với thực tiễn và tích cực triển khai thực hiện quy hoạch nhằm khai thác các tiềm năng, lợi thế để thúc đẩy phát triển kinh tế. Hạn chế việc lập mới các quy hoạch chưa thực sự cần thiết.

Đẩy nhanh thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế (theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 19/6/2013 của UBND tỉnh); Tập trung tái cơ cấu phát triển một số sản phẩm chủ lực trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp; đẩy mạnh công tác đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước; xây dựng lộ trình tái cơ cấu đầu tư công theo hướng trong năm 2015 phải tạo sự chuyển biến về chất lượng và số lượng trong phát triển của mỗi ngành, lĩnh vực, tạo một bước chuyển mạnh mẽ về tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân.

b. Phát triển công nghiệp:

Tập trung phát triển các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến sâu, tập trung lĩnh vực chế biến nông sản, lâm sản, chế biến các sản phẩm chăn nuôi đại gia súc; hạn chế và tiến tới không xuất khẩu sản phẩm thô; Tiếp tục thực hiện các quyết định của tỉnh về định hướng chiến lược sản phẩm công nghiệp giai đoạn 2011 – 2015 và đến năm 2020, theo đó thực hiện đề án đánh giá, phân tích chuỗi giá trị một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh, lựa chọn dự án sản xuất sản phẩm có tính khả thi cao để xúc tiến đầu tư, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp. Xây dựng các vùng sản xuất tập trung để chủ động cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, thay thế dần nguyên liệu nhập khẩu. Bám sát tình hình triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy đầu tư hạ tầng điện, chợ và hỗ trợ phát triển công nghiệp nông thôn. rà soát, đánh giá thực trạng các dự án đầu tư trong các khu, cụm công nghiệp đang hoạt động; có giải pháp thúc đẩy, hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong khu, cụm công nghiệp (Khu công nghiệp Hoà Phú, các cụm công nghiệp: Ea Dar- Ea Kar, Krông Búk 1 – Krông Búk, Tân An 1,2- TP Buôn Ma Thuột); Xây dựng giải pháp phù hợp để từng bước đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp ở các huyện có nhu cầu cao về đầu tư cũng như để sắp xếp các doanh nghiệp chế biến lâm sản như Ea Lê (huyện Ea Súp), M’Đrăk (huyện M’Đrăk), Cư Kuin (huyện Cư Kuin), Ea H’leo (huyện Ea H’leo).

c. Phát triển nông nghiệp, nông thôn:

Từng bước xây dựng nền nông nghiệp sản xuất tập trung, quy mô lớn, giá trị trên một đơn vị sản xuất cao. Thực hiện tái cơ cấu một số sản phẩm chủ lực của ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, tập trung ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao vào sản xuất; Tăng cường công tác các dự án đầu tư trồng cao su, trồng và quản lý bảo vệ rừng của các nhà đầu tư đã được cho phép đầu tư; hướng dẫn nông dân phát triển sản xuất theo quy hoạch được duyệt. Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ vào sản xuất; chú trọng đến lĩnh vực chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, làm tăng chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của từng sản phẩm trên thị trường. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm; quản lý chặt chẽ sản xuất, tiêu thụ, sử dụng vật tư nông nghiệp. Chủ động trong khâu sản xuất giống cây trồng, vật nuôi đảm bảo chất lượng, số lượng cho nhu cầu sản xuất; đẩy mạnh xây dựng các mô hình sản xuất theo hướng liên kết chặt chẽ giữa 3 nhà (Nhà nước; Nhà nông và Doanh nghiệp) gắn với thị trường để đưa nông nghiệp lên sản xuất tập trung quy mô lớn, giá trị tăng cao; đẩy mạnh chăn nuôi đại gia súc, nhất là bò sữa; khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Xây dựng, đề xuất thêm các giải pháp, chính sách phù hợp để hỗ trợ cho nông dân nhằm thực hiện đúng theo lộ trình kế hoạch tái canh cây cà phê giai đoạn 2014-2020 đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 4521/QĐ-BNN-TT ngày 21/10/2014. Tập trung triển khai trồng cây Mắc ca (thay cây rừng) đem lại giá trị xuất khẩu và tăng độ che phủ rừng.

Thực hiện tốt hơn công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường rừng. Từng bước nâng cao chất lượng rừng, đảm bảo đa dạng sinh học, hệ sinh thái tự nhiên; phát triển du lịch sinh thái tại các khu rừng đặc dụng, rừng bảo tồn.

Kêu gọi vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, nhà đầu tư, liên doanh liên kết với các công ty lâm nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy tinh chế gỗ; xúc tiến, kêu gọi đầu tư xây dựng các nhà máy tinh chế gỗ ở M'Đrăk, Ea H'Leo, Ea Kar.

Huy động tối đa mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế tham gia vào Chương trình xây dựng nông thôn mới; ngoài việc hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cần chú trọng đến phát triển sản xuất nhằm nâng cao đời sống nhân dân. Đẩy nhanh tiến độ thi

công, bàn giao đưa vào sử dụng các công trình nước sinh hoạt tập trung tại các xã, tập trung cải tạo, sửa chữa phục hồi những công trình đang hư hỏng xuống cấp theo đề án được phê duyệt. Huy động các nguồn lực từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển văn hoá, y tế, giáo dục và bảo vệ môi trường nông thôn.

d. Phát triển thương mại - dịch vụ:

Tập trung phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế, có giá trị gia tăng cao như du lịch, viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. Các ngành, các cấp và vận động doanh nghiệp tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, tiếp thị để nâng cao vị thế và uy tín của hàng hóa sản xuất trong tỉnh, các doanh nghiệp tích cực tham gia các hoạt động quảng bá, giới thiệu; hỗ trợ xây dựng và bảo vệ thương hiệu sản phẩm, nhất là thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột.

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động khuyến công; Hoàn thành việc chuyển đổi Trung tâm giao dịch cà phê Buôn Ma Thuột thành công ty cổ phần; triển khai chương trình thương mại điện tử nhằm đa dạng hóa các hoạt động giao dịch thương mại. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy hoạch ngành, quy hoạch sản phẩm công nghiệp. Khuyến khích thành lập các hiệp hội ngành nghề doanh nghiệp công nghiệp – thương mại để tạo sức mạnh chung.

Đẩy mạnh phát triển thị trường trong và ngoài tỉnh; có các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp, nông dân trong khâu bảo quản, tiêu thụ sản phẩm. Phát triển và duy trì mạng lưới bưu chính, viễn thông; Phát triển, nâng cao chất lượng các dịch vụ vận tải, tài chính ngân hàng và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác.

e. Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại và xúc tiến đầu tư - Huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển:

Chủ động, tích cực vận động, thu hút các dự án đầu tư từ nguồn vốn ODA, NGO. Tạo điều kiện tốt nhất để các dự án ODA, NGO thực hiện đúng tiến độ và giải ngân theo hiệp định. Thực hiện các thỏa thuận đã ký với các nước trong khu vực Tam giác phát triển nhằm đầu tư phát triển các lĩnh vực kinh tế như nông nghiệp, mở tour du lịch, khảo sát đầu tư xây dựng hạ tầng khu vực biên giới...; Chương trình hợp tác 6 tỉnh Nam Trung Bộ; Chương trình hợp tác 5 tỉnh Tây Nguyên và Khánh Hòa, Phú Yên nhằm liên kết hợp tác phát triển nông lâm nghiệp và thủy sản, liên kết xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch, liên kết phát triển giao thông vận tải, y tế, giáo dục, liên kết đối với các vấn đề liên quan đến cơ chế chính sách.

Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư; thực hiện điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách và quy chế quản lý, hỗ trợ cho nhà đầu tư (Nghị quyết 27/2011/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư trên địa bàn, QĐ 48/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh về quy định trình tự thủ tục chuẩn bị đầu tư). Tập trung cải thiện chất lượng môi trường đầu tư, nâng cao Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); cải thiện số điểm và vị trí trong bảng xếp hạng. Hướng dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh tập trung vào các lĩnh vực, ngành nghề

tỉnh đang mời gọi đầu tư và hiện đang là thế mạnh của tỉnh. Sửa đổi, bổ sung các quy định của địa phương về quy trình thu hút đầu tư theo hướng đơn giản, phù hợp với các quy định mới của pháp luật. Kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho dự án đầu tư đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư; rà soát, xử lý và thu hồi đối với các dự án đầu tư không triển khai hoặc chậm tiến độ. Tập trung thu hút đầu tư những dự án phát triển công nghiệp, nông nghiệp có quy mô sản xuất lớn, tạo nên sự đột phá cho sự phát triển kinh tế của tỉnh về tăng trưởng, về chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Tạo mọi điều kiện tốt nhất để các dự án chăn nuôi bò sữa, bò thịt UBND tỉnh đã cho chủ trương đầu tư như: Công ty Thái Thành, TH Milk, Đức Long, Hoàng Anh Gia Lai... Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư một số ngành, lĩnh vực như: giáo dục, dạy nghề; y tế; văn hóa; các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao; hoạt động bảo vệ môi trường. Xây dựng cơ chế khoán vốn đầu tư cho một số lĩnh vực như: giao thông, thủy lợi, môi trường...

Thúc đẩy quá trình tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là tái cơ cấu đầu tư công theo hướng loại bỏ những dự án chưa thực sự cấp bách; chỉ đầu tư vào những dự án hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn; đồng thời sử dụng hiệu quả các nguồn vốn cho phát triển kinh tế ở tất cả các ngành, lĩnh vực, đặc biệt đưa ra các giải pháp phù hợp để thu hút mạnh các nguồn lực ngoài Nhà nước cho đầu tư phát triển. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng. Bảo đảm cho các dự án đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng đúng tiến độ, nhất là các dự án, công trình quan trọng có ý nghĩa thúc đẩy đối với phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và liên ngành.

g. Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể:

Tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước; bảo đảm công khai, minh bạch trong thủ tục hành chính và thông tin doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh. giải quyết kịp thời các kiến nghị của doanh nghiệp, duy trì tổ chức gặp mặt doanh nghiệp 02 lần/năm.

Xây dựng đề án và đẩy mạnh công tác tái cơ cấu doanh nghiệp, trọng tâm là sắp xếp, đổi mới cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; các doanh nghiệp lâm nông nghiệp theo Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị. Tạo điều kiện cho Hợp tác xã tham gia vào các chương trình mục tiêu, phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Thực hiện công khai, minh bạch về kết quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012: đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã, trong đó chú trọng công tác tuyên truyền Luật; rà soát điều lệ, tổ chức quản lý hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Hợp tác xã.

h. Thu – Chi ngân sách:

Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng chức năng để kiểm soát chặt chẽ nguồn thu, chống thất thu, chống buôn lậu và gian lận thương mại, gian lận giá. Thường xuyên nắm chắc đối tượng, nguồn thu ngân sách trên địa bàn; kiểm soát chặt chẽ việc kê khai thuế, quyết toán thuế của các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước. Thực hiện mạnh mẽ việc phân cấp quản lý thu thuế các doanh nghiệp về cơ sở để các huyện, thị xã, thành phố chủ động chỉ đạo, đôn đốc thu được kịp thời, hiệu quả. Tăng cường thu nợ thuế, hạn chế các khoản nợ thuế mới phát sinh. Đẩy mạnh thu biện pháp tài chính, nhất là thực hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất, thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất, thu nợ tiền đất, thu tiền bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước; tăng

cường các khoản thu xử phạt, kịp thời bán đấu giá tài sản tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện việc lập, xét duyệt và phân bổ dự toán ngân sách sát với tình hình thực tế và khả năng ngân sách; đảm bảo chi trong dự toán, đúng mục tiêu đã được phân bổ.

2. Nâng cao chất lượng giáo dục – y tế, phát huy vai trò của KHCN trong phát triển kinh tế, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội:

a. Về an sinh xã hội, xoá đói giảm nghèo:

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XI) về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020. Tập trung thực hiện các giải pháp phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân, thực hiện giảm nghèo bền vững. Triển khai đồng bộ các chính sách đối với người có công, dạy nghề, giải quyết việc làm, bảo trợ xã hội, các chính sách nhằm an sinh xã hội. Nâng cao hiệu quả dạy nghề gắn với giải quyết việc làm, chủ động đào tạo cung cấp lao động có tay nghề, trình độ cho các khu, cụm, điểm công nghiệp; mở rộng thị trường xuất khẩu lao động. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách lao động, an toàn lao động và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Tăng cường công tác quản lý lao động là người nước ngoài làm việc tại các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ và hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án về giảm nghèo, nhất là đối với các huyện nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; ưu tiên thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, học nghề, tạo việc làm, xây dựng nông thôn mới; khuyến khích người nghèo tự chủ vươn lên thoát nghèo.

Theo dõi sát tình hình thiếu đói giáp hạt, thiệt hại do thiên tai để chỉ đạo kịp thời hoạt động cứu trợ tại địa phương và đề xuất các giải pháp khắc phục hậu quả; xây dựng, triển khai nhân rộng việc thực hiện các mô hình phòng tránh và cứu trợ phù hợp để kịp thời ứng phó và hạn chế các tác động xấu của thiên tai, hướng dẫn người dân chủ động phòng chống, cứu giúp lẫn nhau khi gặp thiên tai.

b. Công tác y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân:

Củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh. Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách và lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân, phân luồng, phân tuyến để giảm quá tải bệnh viện tuyến trên; Quản lý hiệu quả giá thuốc chữa bệnh.

Phấn đấu khắc phục khó khăn duy trì các kết quả đã đạt được và hoàn thành thêm các chỉ tiêu của mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ vào năm 2015 (giảm nhanh và bền vững tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em, tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi, dưới 5 tuổi, tỷ suất chết mẹ liên quan đến thai sản; khống chế lây nhiễm HIV, bệnh lao và các bệnh dịch nguy hiểm khác ở người;..).

Kiểm soát tỷ lệ tăng dân số và tỷ số giới tính khi sinh. Nâng cao hiệu quả công tác thông tin, truyền thông về giáo dục sức khỏe.

c. Về giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển giáo dục và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (Khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh việc thực hiện công tác xã hội hóa

giáo dục, đào tạo, dạy nghề. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp nâng cao tỷ lệ và chất lượng lao động qua đào tạo; nâng cao chất lượng dạy nghề, tăng cường gắn kết giữa dạy nghề với thị trường lao động và sự tham gia của doanh nghiệp.

d. Phát triển khoa học công nghệ:

Tiếp tục triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XI) và Chiến lược về phát triển khoa học và công nghệ; tập trung, ưu tiên đi sâu vào khoa học, công nghệ ứng dụng trong sản xuất và đời sống; áp dụng và phổ biến nhân rộng các tiến bộ kỹ thuật sau khi được nghiệm thu, công bố kết quả; thực hiện có hiệu quả các chương trình về đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ cao; Triển khai các nhiệm vụ theo Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 23/7/2014 của UBND tỉnh về phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm 11 đề tài cấp tỉnh và 06 đề tài hỗ trợ ngành. Tăng cường quản lý đo lường chất lượng và sở hữu trí tuệ; đẩy mạnh việc xây dựng và bảo hộ thương hiệu hàng hóa, sản phẩm.

e. Về phát triển văn hoá:

Đẩy mạnh xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; củng cố và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa, thể thao; hạn chế tối đa việc sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức lễ hội. Tích cực đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn xã hội, nhất là ma túy, mại dâm.

g. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo. Chú trọng công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em, gia đình, bình đẳng giới. Thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam.

3. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu:

Triển khai có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 7 (Khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Nghị quyết của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Chiến lược phát triển bền vững, Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh.

Thực hiện rà soát, chuyển giao đất và hồ sơ đất không có nhu cầu sử dụng, hiệu quả sử dụng thấp, các trường hợp vi phạm về đất đai của các Công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, giao về địa phương quản lý, sử dụng theo Nghị quyết số 30/NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đến năm 2015 phải hoàn thành; Thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp, lưu vực sông, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm; xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; điều tra, khảo sát đánh giá, phân loại các cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần xử lý. Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện tiêu chí số 17 "Môi trường" ở khu vực nông thôn trong Chương trình xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Tăng cường khả năng điều tiết các nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường khả năng tích nước cho mùa khô.

Làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao khả năng phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

4. Nâng cao hiệu quả cải cách hành chính; phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Triển khai nghiêm túc và có hiệu quả Hiến pháp (sửa đổi). Nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính phù hợp, khả thi và phát huy hiệu quả khi triển khai thực hiện.

Rà soát, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành có nội dung không phù hợp, ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước. Tập trung đơn giản hóa thủ tục hành chính. Nhân rộng cơ chế một cửa. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước. Xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ.

Triển khai có hiệu quả Luật, Chương trình hành động về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, điều tra đề phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Triển khai thực hiện Luật tiếp công dân. Đề cao trách nhiệm của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý vụ việc ngay từ cơ sở, không để phát sinh thành điểm nóng; tập trung xử lý dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài.

5. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội:

Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo đảm vững chắc an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, nhất là tại các địa bàn trọng điểm. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, bảo đảm an ninh kết hợp với phát triển kinh tế. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ năm 2015. Chỉ đạo, tổ chức diễn tập cơ chế khu vực phòng thủ cấp huyện, xã đạt kết quả cao.

Tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tai nạn, tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Tập trung giải quyết các vụ khiếu kiện đông người, nhất là liên quan đến đất đai, không để xảy ra các “điểm nóng” ảnh hưởng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội. Phấn đấu điều tra khám phá án hình sự đạt tỷ lệ trên 85%, riêng án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 90%. Tăng cường quản lý an ninh biên giới, phòng, chống vượt biên, xâm nhập trái phép.

Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phấn đấu giảm tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí so với năm 2014. Xử lý nghiêm các vi phạm. Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức của người tham gia giao thông, nhất là tại vùng nông thôn.

6. Tăng cường công tác điều hành, tổ chức thực hiện kế hoạch:

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành, tổ chức thực hiện. Nâng cao tính phối hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác điều hành quản lý nhà nước. Thực hiện việc phân công, phân nhiệm rõ ràng, minh bạch theo Quy chế làm việc của UBND tỉnh và tăng cường trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân, nhất là người đứng đầu của các địa phương, đơn vị.

Chỉ đạo sâu sát việc cụ thể hóa các Nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh, huy động tốt các nguồn lực cho việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách đã đề ra.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, đề cao vai trò giám sát của nhân dân, các đoàn thể đối với hoạt động của cán bộ và cơ quan nhà nước. Các cơ quan nhà nước phải công khai minh bạch về các thủ tục hành chính, các quy hoạch và các chủ trương chính sách để người dân và doanh nghiệp thuận lợi trong tiếp cận thông tin và thực hiện vai trò giám sát một cách tốt nhất.

UBND tỉnh đề nghị toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân, các ngành, các cấp, các doanh nghiệp trong tỉnh đoàn kết, nhất trí chung sức, chung lòng, thi đua, phấn đấu thực hiện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2015 tỉnh đề ra./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Vụ IV – VPCP, VP Bộ Ngoại giao;
- Bộ KHĐT, Bộ TC, Bộ NN&PTNT;
- Bộ LĐTBXH, VP Bộ Tư lệnh QK5, UBNDT;
- Ban Chỉ đạo Tây Nguyên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Các ban Tỉnh ủy và HĐND tỉnh;
- CT, PCT và các UV UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Mặt trận, các đoàn thể;
- Đảng ủy khối DN, cơ quan DCD tỉnh;
- Các huyện, thị, thành ủy;
- Các Thường trực HĐND huyện, TX, TP;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH (N-145b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Dễm Ênuôl